

## **Trần Đức Thảo và ẩn số của "Vấn Đề Con Người ..."**

Đỗ Thái Nhiên

Theo đà tiến hóa của loài người: càng ngày, con người càng chối bỏ một cách không khoan nhượng mọi hình thức dùng bạo lực để giải quyết những dị biệt giữa người với người về quyền lợi, về nghĩa vụ và về cơ hội sống. Do sự thể bạo lực bị kết án như vừa kể, con người chỉ có thể sử dụng tư tưởng thông qua ngôn ngữ để cùng nhau tìm kiếm các giải pháp êm thấm cho những khó khăn trong sinh hoạt xã hội. Đó là ý nghĩa tiên khởi, là nội dung cốt lõi, là mục tiêu cao cả của đấu tranh tư tưởng. Thế rồi xã hội dần dần phức tạp. Thế rồi những đối lập về quyền lợi chính trị cũng như quyền lợi kinh tế dần dần to lớn. Thế rồi những bất đồng tư tưởng trên quan hệ xã hội đã từ đối lập thống nhất dần dần tiến lên mâu thuẫn gay gắt... Thế rồi rất nhiều cái "thế rồi" khác đã biến đấu tranh tư tưởng thành những trận chiến hỗn loạn, trong đó, người ta đả ngộ lẫn nhau bằng chộp mũ, bằng tin tức bịa đặt, bằng lời lẽ khiếm lễ, đôi khi thô tục một cách lộ liễu. Ngày nay đấu tranh tư tưởng gần như bị đồng hóa với đấu tranh bạo lực, một thứ bạo lực tinh thần. Dĩ nhiên, như đã nói ở phần mở đầu: mọi hình thức bạo lực - kể cả bạo lực tinh thần - đều bị xã hội văn minh loại trừ không đả đo.

Diễn tả sự khác biệt rõ nét giữa đấu tranh tư tưởng nghiêm túc và đấu tranh tư tưởng theo kiểu chuyên chở bạo lực, tôi có chủ ý tự nhắc nhở chính tôi bao giờ cũng phải duy trì thái độ trầm tĩnh và lễ độ trong mọi tình huống của đấu tranh tư tưởng. Có như vậy tôi mới xứng đáng để được trân trọng kính mời bạn đọc hãy cùng tôi bước vào một trường hợp đấu tranh tư tưởng mang nội dung như sau:

Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) lần thứ VI có chủ đích hoạch định kế hoạch phát triển quốc gia trong 5 năm từ 1986 tới 1990. Đối với kế hoạch năm năm này, Đảng CSVN đã đề ra mười nhiệm vụ: Tăng cường sản xuất lương thực, cải tạo kinh tế xã hội chủ nghĩa, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối sản phẩm, xây dựng chính sách xã hội, tăng cường công tác đối ngoại, phát huy quyền làm chủ tập thể, xây dựng Đảng thực sự ngang tầm một Đảng cầm quyền, nâng cao hiệu lực chỉ đạo và điều hành Đảng và nhà nước.

Mở đầu phần xây dựng chính sách xã hội, Nghị quyết VI viết: *"Chính sách xã hội nhằm phát huy mọi khả năng của con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất"*. Căn cứ vào câu mở đề vừa kể, và nhất là do sự hồi thúc của những bế tắc tư tưởng hiện nay trong giới lãnh đạo Cộng sản Việt Nam, Giáo sư Trần Đức Thảo đã viết tác phẩm *"Vấn Đề Con Người"*

*Và Chủ Nghĩa Lý Luận Không Có Con Người*". Tác phẩm này do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành lần thứ nhất vào tháng 9 năm 1988 và lần thứ hai tháng 1 năm 1989. Để cho những ý kiến phê bình tác phẩm được diễn đạt ngắn, gọn và mạnh mẽ, tôi xin phép chỉ gọi tác giả là Trần Đức Thảo và bỏ đi tước vị Giáo sư đứng trước tên riêng. Điều này không hề hàm ngụ một thái độ kém tôn kính. Lỗi gọi tên như vừa kể là tập quán phổ biến của văn thức nghị luận.

Theo lời giới thiệu của Nhà xuất bản Thành phố HCM: Trần Đức Thảo sanh năm 1917. Trước khi theo học "Trường Cao Đẳng Sư Phạm phố D'Ulm, Paris", Trần Đức Thảo là một sinh viên của trường luật Hà Nội. Năm 1943, Trần Đức Thảo đậu thạc sĩ triết học tại trường Đại Học Sorbonne với luận đề "Hiện tượng học của Husserl". Lúc bấy giờ ông 26 tuổi. Năm 1951, Trần Đức Thảo rời Paris về Việt Nam qua ngõ Luân Đôn - Praha - Mạc Tư Khoa - Bắc Kinh. Từ năm 1952 đến năm 1958, Trần Đức Thảo phục vụ cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh vực văn hóa giáo dục. Từ năm 1958 đến năm 1965, Trần Đức Thảo chuyên biên khảo các sách kinh điển của chủ nghĩa Marx Lenine.

Tác phẩm "Văn Đề Con Người Và Chủ Nghĩa Lý Luận Không Có Con Người" được Trần Đức Thảo trình bày bằng chín chương. Để tránh tình trạng lặp lại nội dung giữa phần lý luận của Trần Đức Thảo và phần đánh giá lý luận của người cầm bút, tôi xin đánh giá từng chương một ngay sau phần trần thuật chủ ý của mỗi chương. Tên gọi của các chương sách được ghi lại theo nguyên văn kiểu dùng chữ của Trần Đức Thảo.

## **Chương một**

Chủ Nghĩa Marx-Lenine Không Có Gì Chung

Với Chủ Nghĩa "Lý Luận Không Có Con Người"

### **A.- Phần Trần Thuật**

Mở đầu chương này, Trần Đức Thảo đã tố cáo: Trong những năm 1960 tại Pháp, Louis Althusser đã hưởng ứng "cách mạng vô sản" của Mao Trạch Đông khi tuyên bố: "Chủ nghĩa Marx là một thứ chủ nghĩa lý luận không có con người" (Le Marxisme est un antihumanisme théorique). Althusser hết lời ca ngợi tư tưởng Mao Trạch Đông, ông này xem "lý luận không có con người" là một mẫu mực của cách mạng vô sản. Phải "lý luận không có con người"

nói chung cho rằng chỉ có giai cấp và con người giai cấp chứ không có con người với tư cách con người theo nghĩa cơ bản chung của loài người, tức là ngoài tính chất sinh vật thì không thể xác định một tính chất xã hội cơ bản chung cho cả loài người (Althusser, Réponse à John Lewis Editions, page 33, Maspéro, 1973).

Trần Đức Thảo đã bác khước luận cứ nêu trên của Althusser và Mao Trạch Đông bằng cách viện dẫn một câu nói của Marx: "Bản chất của con người là toàn diện những quan hệ xã hội" (Luận cương VI về Feuerbach). Sau đó, ông Thảo đã minh chứng rằng toàn diện những quan hệ xã hội có một nền tảng chung. Nền tảng chung này là một hệ thống gồm ba cơ cấu:

1.- Sức lao động đơn giản có nền tảng là qui luật sinh vật học.

2.- Tiếng nói: Phản ánh biện chứng của lao động hợp tác và quan hệ xã hội Cộng sản nguyên thủy. Dĩ nhiên qui luật sinh vật vẫn là nền tảng.

3.- Ý thức hay tâm thần là sản phẩm sinh ra từ lao động hợp tác và quan hệ xã hội Cộng sản nguyên thủy thông qua ngôn ngữ xã hội (tiếng nói bên ngoài).

Nói cách khác: "Cái tiếng nói kích thích hệ thần kinh, sinh ra cảm xúc, thúc giục năng lượng thần kinh trong mỗi cá nhân phải nhắc lại cho bản thân mình cái tiếng nói bên ngoài nói với người khác, tức là vận động cái tiếng nói bên trong và như thế là chuyển thành năng lượng tâm thần, tạo nên ý thức với trạng thái cảm quan" (Vấn Đề Con Người, trang 36).

Nền tảng chung của quan hệ xã hội gồm 3 cơ cấu như kể trên đã tạo ra cấu trúc tâm thần, nơi chứa tính người nói chung: từ người khéo (homo habilis) của giai đoạn khai sinh xã hội đến người khôn (homo sapiens) của giai đoạn xã hội Cộng sản nguyên thủy phát triển cao. Đặc biệt Trần Đức Thảo còn nhấn mạnh tính Cộng sản nguyên thủy đã tái xuất hiện trong đời sống của mỗi cá nhân thông qua sinh hoạt cộng đồng gia đình ở tuổi nhi đồng (5 hay 6 tuổi).

Trần Đức Thảo tiếp tục lý luận: Bản chất con người nói chung được qui định bởi toàn diện quan hệ xã hội. Quan hệ này đã sản sinh ra cơ cấu tâm thần với hai ghi chú:

- Qui luật sinh vật học là nền tảng của quan hệ xã hội.

- Quan hệ xã hội của con người nói chung phải được hiểu là quan hệ xã hội Cộng sản nguyên thủy thời cổ đại. Quan hệ này đã được tái sinh thành quan hệ cộng đồng gia đình của trẻ em dưới 6 tuổi thời nay.

Đó là ý nghĩa cơ bản chung của con người. "*Cái nghĩa cơ bản chung này là cái bản tính Cộng sản nguyên thủy, nó đứng ở chiều sâu dưới bản tính giai cấp, vì nó đã thành hình vào tuổi lên 5, 6. Rồi trong tuổi thiếu nhi, thiếu niên mới hình thành tính giai cấp gia đình. Đến tuổi thanh niên thì hình thành tính giai cấp bản thân. Có thể nói cái bản tính giai cấp là bản chất hàng một của con người, và cái bản tính Cộng sản nguyên thủy là bản chất hàng hai, nó là cái cơ bản chung của con người, làm nền tảng cho bản chất giai cấp*" (Văn Đề Con Người, trang 42).

Sau khi phân tích về vai trò của quan hệ xã hội, về cơ cấu của tâm thần, về tính người, về sự đồng dạng giữa xã hội Cộng sản nguyên thủy và cộng đồng gia đình của trẻ em dưới 6 tuổi, Trần Đức Thảo kết luận: Chủ nghĩa Marx Lenine là một chủ nghĩa có nhân bản, có con người. Vì vậy "chủ nghĩa Marx Lenine không có gì chung với chủ nghĩa lý luận không con người".

## **B.- Phần Đánh Giá Lý Luận**

Trước khi đi vào phần đánh giá lý luận, tôi xin minh định ý nghĩa của chữ "siêu hình" mà tôi dùng trong bài này: nói siêu hình là nói về những gì không có trong thực tại. Nói siêu hình cũng có nghĩa là nói về thực tại nhưng lại nói một cách lệch lạc, khô cứng, không phản ánh được thực tại. Phản nghĩa của lý luận siêu hình là lý luận biện chứng. Lý luận biện chứng bao giờ cũng lấy thực tại làm điểm chuẩn duy nhất của chân lý. Chỉ với 7 trang sách của Chương I, nhà biện chứng Trần Đức Thảo, một người có non nửa thế kỷ theo đuổi ngành biện chứng, đã vấp phải những lỗi lầm siêu hình kể sau:

### **1.- Các khẳng định kiểu:**

Quy luật sinh vật học là nền tảng của cái bản chất xã hội của con người (trang 39).

Quan hệ xã hội qui định bản chất con người (trang 35).

Là lỗi khẳng định của những người suốt đời quyết tâm tin tưởng rằng: cái trứng nở ra con gà chứ không phải con gà đẻ ra cái trứng. Thực tại không hề có vấn đề "duy gà" hay "duy trứng". Thực tại chính là vấn đề gà và trứng hiển nhiên có những tác động hai chiều trong dòng sống của loài gà. Thực tại không hề ghi nhận địa vị số một của quy luật sinh vật hay của quan hệ xã hội. Thực tại chính là hình ảnh sinh động và tròn đầy của dòng tâm sinh mệnh. Trong dòng tâm sinh mệnh này hiện thực tâm thần, quy luật sinh vật, quan hệ xã hội, bản chất con người đều đã đồng bộ vận động và phát triển trên nền tảng hỗ tương kết hợp. Dĩ nhiên chỉ những người cầm nắm biện chứng chuyển dịch về chân lý giữa ba phạm trù tự nhiên, tư tưởng và xã hội mới có thể thấy được tính thống nhất vi diệu của vô nguyên, đa nguyên và

nhất nguyên trong đại vũ trụ. Rất tiếc, non nửa thế kỷ qua, Trần Đức Thảo đã không biết đến luật tắc chuyển dịch của chân lý.

2.- Bản chất của loài người phải là những tính chất biến đổi trong suốt thời gian loài người tồn tại. Trần Đức Thảo đã khôn khéo xác nhận quan hệ xã hội luôn luôn thay đổi, nhưng lại gắn thêm nhận định rằng nền tảng chung của quan hệ xã hội bao giờ cũng bất biến, và chính nền tảng bất biến này qui định bản chất con người nói chung. Tuy nhiên vấn đề đã trở nên tối nghĩa khi Trần Đức Thảo khẳng định nền tảng chung của quan hệ xã hội gồm ba cơ cấu: lao động đơn giản, tiếng nói, ý thức, tất cả đều đặt trên nền tảng sinh vật học, đều được nhìn dưới lăng kính Duy Vật. Khoa học ngày nay đã cung cấp cho những người có hiểu biết sơ đẳng về khoa học sự nhận thức rằng "cụ thể" (vật chất) cũng như "cái trừu tượng" đều không có khả năng đơn phương tồn tại trong thực tại. Người Cộng sản hơn một thế kỷ nay vẫn nhắm mắt trong sự tin tưởng cứng rắn rằng: thế giới chỉ là thế giới của vật chất và những thuộc tính của chúng. Một cách cụ thể hơn, người Cộng sản không ngần ngại khẳng định: bộ óc là chính, tư tưởng là thuộc tính của bộ óc là phụ. Tuy nhiên trong thực tại: nếu phá bỏ tư tưởng thì bộ óc chỉ là bộ óc chết, mặt khác không có tư tưởng nào không xuất phát từ bộ óc nào đó. Trong hoàn cảnh vừa kể, người ta không thể nào khẳng định một cách hữu lý: giữa bộ óc và tư tưởng, yếu tố nào là chính, yếu tố nào là phụ. Thế nên lý luận cho rằng duy cái vật chất đã tạo ra quan hệ xã hội lẫn cơ cấu tâm thần để từ đó sản sinh ra tính người chỉ là lối lý luận của thế giới thần thoại, thế giới của trẻ em. Sự thể này tố cáo Trần Đức Thảo đã hoàn toàn thất bại đối với nỗ lực chứng minh một cách vô vọng tính nhân bản trong chủ nghĩa Marx Lenine.

3.- Theo Trần Đức Thảo, bản chất của con người nói chung chỉ xuất hiện vào thời Cộng sản nguyên thủy, và thời nay tái xuất hiện trong cộng đồng gia đình đối với trẻ em dưới 6 tuổi. Sau 6 tuổi, trẻ em bắt đầu bước vào xã hội giai cấp nên bản chất giai cấp là bản chất hàng một, còn bản chất người nói chung bị xuống hàng hai nhưng lại là nền tảng của bản chất giai cấp. Tại trang 134 và 143, Trần Đức Thảo còn chi tiết hóa rằng: "*Những đòi hỏi công bằng, bình đẳng chính trực và chính nghĩa, tự do và chân lý làm cho mỗi cá nhân nhận thấy mình là mình và tôi, là con người chung của loài người, con người nói chung*", hoặc "*những đòi hỏi giá trị công bằng, bình đẳng, chính nghĩa sinh ra từ xã hội Cộng sản nguyên thủy*".

Hẳn nhiên mọi người đều phải vô cùng kinh ngạc sau khi đọc đoạn lý luận kể trên của Trần Đức Thảo. Thời Cộng sản nguyên thủy là thời kỳ loài người chưa có ý niệm về giai cấp, tại sao lúc bấy giờ loài người lại có ý niệm về bình đẳng, công bằng, chính nghĩa?

a.- Dự thảo thư gửi Véra Zassoulitch ngày 8 tháng 3 năm 1881, Marx đã viết: "*Cộng sản nguyên thủy sinh ra bước đầu quyền tư hữu dựa trên lao động bản thân*" (Vấn Đề Con Người, trang 143). Trần Đức Thảo đồng hóa đứa trẻ dưới 6 tuổi của cộng đồng gia đình ngày nay với con người trong xã hội Cộng sản nguyên thủy ngày xưa, tức là nhà biện chứng họ Trần đã hiện ngang xác nhận đứa trẻ dưới 6 tuổi đã có khả năng lao động bản thân. Nhớ rằng đối tượng của lao động bao giờ cũng phải là sản xuất. Những ăn, những ngủ, những chạy nhảy, và nhất là những bài tiết của trẻ em dưới 6 tuổi là lao động bản thân, là sản xuất ư?

b.- Người Cộng sản nguyên thủy và trẻ em dưới 6 tuổi đều có "*những đòi hỏi giá trị công bằng, bình đẳng, chính trực và chính nghĩa, tự do và chân lý*". Đó là nhận định căn bản của Trần Đức Thảo về tính người nói chung. Nhận định này không cần phải đánh giá vì tự nó đã có tính ảo tưởng.

c.- Mặc dầu tính người được Trần Đức Thảo ghi nhận là đã có trước tính giai cấp, và tính người là nền tảng của tính giai cấp nhưng, vẫn theo ông Thảo, tính giai cấp là bản chất hàng một và tính người là bản chất hàng hai của con người. Lỗi phân loại hàng một, hàng hai chỉ là lỗi nói bóng bẩy của nhà tư tưởng một chiều. Cuối lỗi hàng hai cũng như hàng một, bạn chỉ có thể gặp ông tổ Duy Vật. Thực vậy tính giai cấp hiển nhiên là tính tranh giành quyền lợi vật chất, tính vật chất. Còn tính người thì sao? Thắc mắc này đã được Trần Đức Thảo trả lời rất gãy gọn: "*Vật chất là chủ thể của mọi sự biến chuyển, do đấy, chủ thể của những sự biến chuyển lịch sử hay chủ thể của lịch sử thì chính là cái vật chất nó tư duy, tức là con người có bộ óc tư duy*" (Vấn Đề Con Người, trang 87). Như vậy, dưới mắt Trần Đức Thảo cũng như dưới mắt của bất kỳ người Cộng sản nào thì tính người và tính giai cấp là một, bởi vì cả hai đều là con đẻ của vật chất. Công việc chứng minh trong chủ nghĩa Marx vừa có tính giai cấp, vừa có tính người chỉ là công việc đánh bóng tư tưởng Marx do đòi hỏi của tuyên truyền chính trị, chứ không hề là một công tác biện chứng hiểu theo nghĩa nghiêm chỉnh. Tuyên truyền chính trị có chủ ý như sau: Căn bản tư tưởng Cộng sản hẳn nhiên nằm ở quan điểm: "hạ tầng cơ sở chi phối thượng tầng kiến trúc", nói rõ hơn: hình thái kinh tế qui định bản chất của chế độ chính trị. Vì vậy bao giờ người ta cũng phải quan sát sinh hoạt kinh tế của một xã hội để xác định xem chế độ chính trị của xã hội đó có phải là chế độ xã hội chủ nghĩa hay không.

Dựa vào quan điểm vừa trình bày, người ta không thể không nhìn nhận guồng máy kinh tế Việt Nam hiện nay là một guồng máy kinh tế đã có những bước rất nghiêm trọng chối bỏ chủ nghĩa Marx. Do đó, chế độ chính trị tại Việt Nam là một chế độ Cộng sản không tinh ròng. Trong hoàn cảnh chính trị và kinh tế nêu trên, nếu nhìn vấn đề bằng đôi mắt biện chứng, thì mọi người đều ghi nhận chủ nghĩa Marx đang đi vào con đường đào thải của lịch sử để chẳng bao lâu sau đó kéo theo quyết định giải tiêu Đảng Cộng

sản. Sở dĩ sinh mệnh của chủ nghĩa Marx gắn liền với sinh mệnh của Đảng Cộng sản, là vì chính chủ nghĩa Marx đã cung cấp cho Đảng Cộng sản lý luận về nguồn gốc quyền lãnh đạo của Đảng: xóa bỏ Marx tức là xóa bỏ quyền lãnh đạo của Đảng. Thế nên nỗ lực minh chứng tính nhân bản trong biện chứng Duy Vật đồng nghĩa với nỗ lực bảo tồn sinh mệnh của Đảng nằm đằng sau tư tưởng Marx.

## Chương hai

Cá Nhân - Xã Hội - và Con Người

Con Người và Lịch Sử

Trước khi đi vào phần trần thuật chương hai, người cầm bút xin trình với bạn đọc một vài phụ chú rằng: mặc dầu đã làm công tác văn hóa, tư tưởng dưới chế độ Cộng sản Việt Nam từ 37 năm qua, nhưng khả năng diễn đạt của ông Trần Đức Thảo rất đáng phàn nàn: câu văn rất dài, đôi khi có những câu què quặt (bất thành cú, thiếu hoặc chủ từ, hoặc động từ, hoặc túc từ). Ý kiến được Trần Đức Thảo viết ra không theo một trật tự hợp lý, có nhiều ý kiến bị nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong một chương, hoặc ý kiến ở chương này bị nhắc lại một cách tỉ mỉ không cần thiết ở chương khác. Vì vậy để khỏi phí phạm thì giờ của bạn đọc, kể từ sau chương một, tôi sẽ trần thuật ngắn gọn hơn và không đánh giá những ý kiến đã được đánh giá ở chương một. Dĩ nhiên trần thuật ngắn gọn không có nghĩa là xem thường nghĩa vụ trung thành với nội dung của nguyên tác.

### A.- Phân Trần Thuật

Trần Đức Thảo cho rằng phái Althusser đã *"phân tích đời sống xã hội theo phương pháp cấu trúc chủ nghĩa: họ xác định mỗi xã hội là một hệ thống cấu trúc, tức là một hệ thống quan hệ xã hội tự túc riêng biệt, tách rời các xã hội khác. Do đấy thì mỗi hệ thống quan hệ xã hội tạo nên những con người đặc thù của nó, không có con người theo nghĩa chung của loài người"* (Vấn Đề Con Người, trang 41).

Phương pháp phân tích vận động và phát triển của xã hội theo kiểu Althusser đã bị ông Trần Đức Thảo chỉ trích là sai lầm, là vi phạm "nguyên lý cơ bản của phép biện chứng về sự liên hệ toàn diện giữa các sự vật và hiện tượng, cũng như vi phạm khái niệm toàn diện lịch sử loài người" và "như thế



là ngang nhiên xóa bỏ quan điểm Marx - Lenine về con người khác con vật ở chỗ con người làm ra lịch sử của mình".

Sở dĩ Althusser nhất quyết giữ quan niệm chủ nghĩa Marx là chủ nghĩa không có con người bởi vì ở cương vị một người Marxist, Althusser thấy rất rõ "*những con người có thật là cái gì mà những điều kiện giai cấp tạo nên*" (Les hommes réels sont ce qu'en font les conditions de classe). Tuy nhiên con người Marxist của Trần Đức Thảo lại nhất quyết không thấy như Althusser đã thấy. Ông Thảo nhắc lại câu nói của Marx: "Bản chất con người là toàn diện những quan hệ xã hội" và than phiền Althusser "*coi cái toàn diện những quan hệ xã hội như chỉ là cái hệ thống quan hệ giai cấp đương thời, tựa hồ như không có xã hội Cộng sản nguyên thủy và cái di sản của nó tái tạo ở thời xã hội giai cấp. Do những quan hệ xã hội cộng đồng gia đình của tuổi nhi đồng, thiếu nhi, giáo dục mỗi thế hệ trẻ em*" (Văn Đề Con Người, trang 50).

Nội dung chủ yếu của chương 2 là thái độ lên án của Trần Đức Thảo đối với Althusser về việc ông này đã phủ nhận vai trò làm ra lịch sử của con người nói chung thông qua chủ trương lý luận không có con người.

## **B.- Phần Đánh Giá Lý Luận**

Tại chương hai, tôi đồng ý với Trần Đức Thảo về các điểm kể sau:

1.- Có con người nói chung trong suốt dòng lịch sử của loài người.

2.- Con người nói chung là chủ thể đã làm ra lịch sử, và con người khác với con vật ở chỗ con người làm ra lịch sử của mình.

Tuy nhiên, sau hai cái đồng ý nói trên, tôi khẳng định thêm rằng: bài viết này tôi hoàn toàn không đứng trên lập trường của Althusser hay của Mao Trạch Đông. Tôi đứng trên lập trường người, và chỉ trên lập trường người, tôi mới có tư cách để xác quyết với Trần Đức Thảo về các điểm sau đây:

- Con người nói chung, con người làm ra lịch sử không hề là con người có tính người theo kiểu Cộng sản nguyên thủy hay theo kiểu nhi đồng dưới 6 tuổi ngày nay. Và sau cùng, con người nói chung không thể được nhận diện dưới một dạng kỳ quái: "Cái vật chất nó tư duy".

- Đối với người Cộng sản, "*lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp*" (Văn Đề Con Người, trang 110). Như vậy con người nói chung hiểu theo nghĩa người Cộng sản nguyên thủy và trẻ em nhi đồng dưới 6 tuổi của Trần Đức Thảo làm thế nào có thể tạo ra lịch sử đấu tranh giai cấp, trong khi thời



nguyên thủy chưa có giai cấp và em nhi đồng chưa đủ năng lực trí tuệ để có ý thức về giai cấp?

## Chương ba

### Quan Hệ Xã Hội và Quan Hệ Giai Cấp

#### A.- Phân Trần Thuật

Lấy đề tựa quan hệ xã hội và quan hệ giai cấp cho chương ba, Trần Đức Thảo có chủ ý luận về mối liên hệ giữa bản chất con người nói chung và quan hệ xã hội giai cấp. Tôi xin nhắc lại: Trần Đức Thảo bao giờ cũng trung thành với câu nói của Marx : "bản chất con người là toàn diện những quan hệ xã hội".

Để khai triển chủ đề của chương ba, Trần Đức Thảo không thể không nhắc lại điệp khúc của chương một: *"Tính người Cộng sản nguyên thủy được tái xuất hiện trong thiếu nhi, nhi đồng dưới 6 tuổi, gọi là tình người nói chung. Thế rồi, với thời gian, nhi đồng trở thành thanh niên. Khi người thanh niên xây dựng tính giai cấp bản thân thì cái tính giai cấp như thế bao trùm cái nhân cách đầu tiên... Do đấy thì trong con người tham gia quan hệ giai cấp, cái tính giai cấp là biểu hiện trước mắt và đi sâu thấm nhuần toàn thể cá nhân. Nhưng ở dưới tính giai cấp vẫn có tính người theo nghĩa cơ bản chung với những đặc điểm cá nhân của quá trình giáo dục tuổi nhi đồng thiếu nhi"* (Văn Đề Con Người, trang 56-57). Viết như vậy, ông Thảo muốn nhấn mạnh xã hội giai cấp đã biến bản tính của người thành bản tính giai cấp, bản tính hàng một. Điều được gọi là tính người thuở nhi đồng nay bị đè bẹp bởi tính giai cấp nhưng vẫn tiếp tục sống thoi thóp dưới dạng bản tính hàng hai.

Nhằm củng cố cho quan điểm "xã hội giai cấp sản sinh ra bản tính giai cấp của người", Trần Đức Thảo đã chống đối luận cứ của Proudhon về sợi dây liên hệ giữa cá nhân và xã hội. Proudhon cho rằng "tình trạng bóc lột chỉ là sự liên hệ chủ quan của các cá nhân. Về phương diện xã hội, mọi người đều bình đẳng" (Proudhon chống lại Bastiat, XVI, 29). Lý luận của Proudhon là lý luận phi giai cấp.

Trần Đức Thảo tiếp tục đả kích tư tưởng Proudhon bằng cách minh chứng: *"Cái thực tế là trái lại: thời cổ đại, xã hội đã phân chia thành giai cấp. Do đấy mà trong cái xã hội giai cấp, tức là "về phương diện xã hội" thì có "nô lệ*

và công dân"" (Vấn Đề Con Người, trang 57-58). Ý Trần Đức Thảo muốn nói: về phương diện xã hội thì có giai cấp chứ không có sự thể "mọi người đều bình đẳng" như Proudhon tin tưởng. Tuy nhiên xã hội nô lệ đã bị quần chúng nô lệ, kể cả những người sinh ra và lớn lên trong nhà chủ nô, nổi lên đánh đổ. Tư tưởng của những nhà cách mạng thời nô lệ vẫn là tính người hiểu theo nghĩa chung.

## **B.- Phần Đánh Giá Lý Luận**

Đối với chương ba, tôi chỉ đánh giá lý luận của Trần Đức Thảo về hai vấn đề:

### 1.- Vấn đề tranh cãi giữa Proudhon và Trần Đức Thảo:

Cả hai người này đều nhìn ngắm sinh hoạt xã hội, nhưng lại đưa ra hai quan điểm đối nghịch lẫn nhau: bên này là xã hội bình đẳng, bên kia là xã hội giai cấp. Thực tiễn xã hội minh chứng xã hội là một thực thể thường xuyên biến ảo giữa công bằng và bất công, giữa thương yêu và thù hận, giữa đấu tranh và hòa bình. Khẳng định mạnh mẽ rằng xã hội vĩnh viễn bình đẳng hay xã hội vĩnh viễn có giai cấp tính đều là khẳng định khô cứng và xa rời thực tại. Sở dĩ cả Proudhon lẫn Trần Đức Thảo đã rơi vào tình trạng khô cứng vừa kể chỉ vì hai nhà tư tưởng này chưa thấy được người là điểm hội tụ của ba phạm trù tự nhiên, tư tưởng và xã hội. Trong tự thân mỗi người hiển nhiên có xã hội tính, vì vậy xã hội không thể không biến ảo theo cuộc biến ảo của đời người. Làm thế nào người ta có thể tìm thấy cái vĩnh viễn bình đẳng hay vĩnh viễn giai cấp trong xã hội đã được xác định là biến ảo?

### 2.- Vấn đề xã hội giai cấp qui định bản chất giai cấp của con người:

Giả sử chúng ta chấp nhận xã hội là xã hội của giai cấp thì ý kiến xã hội giai cấp qui định bản chất giai cấp của người vẫn không thể chấp nhận được. Ý kiến này xuất phát từ quan điểm tách biệt phạm trù người và phạm trù xã hội. Như trên đã nói, người và xã hội là hai mặt không tách rời của phạm trù đời sống. Xã hội tác động vào tư tưởng của người, và tư tưởng của người điều hợp xã hội theo hướng làm cho xã hội ngày một người hơn. Đó là nội dung nhân chủ trong xã hội tính của người. Chính tính nhân chủ đã đẩy tới sự thể: "*Trong những sử liệu về chế độ nô lệ, không có chỗ nào nói rằng người nô lệ đã sinh ra và lớn lên trong nhà chủ tỏ ra dễ bảo hơn là những người bị bắt làm nô lệ trong chiến tranh hoặc sau khi bị xử án. Trên thực tế, nếu có thể giáo dục con người làm nô lệ ngay từ tuổi nhi đồng, thì bọn chủ nô lại kéo dài vô thời hạn cái quyền thống trị của họ*" (Vấn Đề Con Người, trang 61).

Thế nhưng "trên thực tế", Trần Đức Thảo lại cho rằng "giai cấp vô sản tiến lên địa vị thống trị" (Vấn Đề Con Người, trang 103) sẽ là một cuộc thống trị "vô thời hạn". Muốn đánh giá ý nghĩ kỳ lạ vừa kể của Trần Đức Thảo, trước hết chúng ta cần hiểu biết vững vàng về các nhịp vận hành của qui luật "phủ định sự phủ định". Qui luật này gồm ba hình thái, tôi xin trình bày ba hình thái này bằng tỷ dụ luận: Dưới ách Tàu thuộc 1000 năm, người Việt yêu nước đã rất nhiều lần nổi dậy đánh đuổi giặc Tàu. Mỗi lần nổi dậy như vậy, người Việt đã tạo một phủ định thứ nhất. Nếu nổi dậy thành công, người Việt lập tức áp dụng sách lược chính trị thông thường của dân tộc nhược tiểu: một mặt sai sứ giả triều cống cho nhà cầm quyền Trung Hoa, mặt khác nỗ lực kiện toàn sinh hoạt tự trị của quốc gia. Triều cống cho Trung Hoa tức là người Việt yêu nước thời bấy giờ đã tự phủ định bản thân họ: đó là hình thái phủ định thứ nhì. Phủ định thứ nhì làm cho sự phủ định thứ nhất không còn giữ nguyên phẩm chất của nó nữa. Nói cách khác: phủ định thứ nhì có ý nghĩa tự phủ định, nhưng đồng thời cũng có ý nghĩa phủ định sự phủ định thứ nhất. "Ý nghĩa đồng thời" này gọi là sự phủ định thứ ba, và phủ định thứ ba đã chấm dứt một chu kỳ phủ định. Sau đó phủ định ba lại trở thành đối tượng của phủ định nhất trong chu kỳ phủ định kế đó, cứ như thế mà lịch sử vận hành. Qui luật "phủ định sự phủ định" là một trong những qui luật căn bản của lịch sử loài người. Nhớ rằng phủ định nhì và phủ định ba bao giờ cũng mang ý nghĩa đả lặc đến cho phủ định. Tuy nhiên trong thực tiễn xã hội, do quyền lợi riêng tư, nhiều người đã đồng hóa phủ định với tiêu diệt toàn diện, nhiều người khác lại áp dụng luật phủ định để phục vụ tư bản nhà nước hoặc tư bản tư nhân, thay vì phục vụ loài người. Luật phủ định tự nó chẳng bao giờ lệch lạc. Những bộ óc lệch lạc đã làm cho luật phủ định trở nên lệch lạc. Bộ óc lệch lạc quan trọng nhất nằm đằng sau luật phủ định chính là bộ óc lệch lạc của người Cộng sản. Hình ảnh lệch lạc đến độ tệ hại này đã khiến cho một số người chống cộng hùng dũng nhưng nhẹ dạ đã cuống quít kết luận rằng chữ phủ định là chữ của Cộng sản, người nào nói đến chữ phủ định, người đó nếu không là cán bộ Cộng sản thì cũng là tay sai của đế quốc đỏ! Có lẽ chẳng còn ý nghĩ chính trị nào non nớt hơn ý nghĩ "nhẹ dạ" vừa trình bày. Ngôn ngữ là ngôn ngữ chung của toàn bộ xã hội. Ngôn ngữ không thể là vật sở hữu của bất kỳ cá nhân hay đoàn thể nào. Nếu chẳng may có một tập đoàn nào đó do những mưu tính riêng tư đã bóp méo ý nghĩa của ngôn ngữ, chúng ta phải lập tức tố cáo âm mưu bóp méo đó và đồng thời quyết tâm tái xử dụng ngôn ngữ bị bóp méo theo ý nghĩa nghiêm chỉnh của nó. Đó là mối dây liên hệ thân mến giữa người và ngôn ngữ của người.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại vấn đề bóp méo ý nghĩa của phủ định bằng cách theo dõi những lời lẽ sau đây của Trần Đức Thảo: *"Trong sự chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa, thì trước hết có đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân chống giai cấp tư sản cầm quyền: phủ định xã hội tư sản. Đây là sự phủ định thứ*

*nhất... Đến khi cách mạng thành công... Bây giờ đã có nhà nước cách mạng thì đấu tranh tiến hành hợp pháp bằng quyền lực nhà nước, không có nổi dậy như trước. Và đi đôi với đấu tranh thì có vấn đề tranh thủ xử dụng, cải tạo. Tức là về mặt nào đấy, một phần nào đấy sự phủ định thứ nhất lại bị phủ định. Đây là sự phủ định thứ nhì, nó phủ định sự phủ định thứ nhất.*

*Nhưng phái lý luận không có con người (theo nghĩa loài người) đứng trong hàng ngũ Maoist ở Pháp, ủng hộ cuộc cách mạng văn hóa vô sản của Mao Trạch Đông kêu gọi "tiếp tục cách mạng vô sản trong điều kiện chuyên chính vô sản" kêu gọi giai cấp vô sản nổi dậy chống nhà nước vô sản. Như thế là tiếp tục sự phủ định thứ nhất trong điều kiện mà đứng ra thì phải phủ định sự phủ định ấy. "Bọn tạo phản Mao Trạch Đông không kể gì đến qui luật biện chứng về sự phủ định sự phủ định" (Văn Đề Con Người, trang 103-104).*

Đọc đoạn văn kể trên, hẳn nhiên người đọc đã phải vô cùng kinh ngạc trong sự nhận biết: Đối với Trần Đức Thảo, phủ định thứ nhất chỉ có thể là vô sản phủ định tư sản. Sau khi vô sản ngồi vào ghế thống trị, "sự ngồi" này trở nên vô hạn: mọi chu kỳ phủ định khác đều bị đình chỉ, bánh xe lịch sử kể như hết nhiên liệu để vận hành. Vẫn theo Trần Đức Thảo: chỉ có "bọn tạo phản của Mao Trạch Đông" mới "kêu gọi giai cấp vô sản nổi dậy chống nhà nước vô sản". Căn cứ theo "lời chỉ dạy" của Trần Đức Thảo, những người làm chính trị theo nghĩa vinh thân, nếu may mắn chiếm được chính quyền, và nếu muốn nắm giữ chính quyền vĩnh viễn, họ chỉ cần tự nhận: chính quyền do họ thành lập là chính quyền dân tộc. Bởi vì dân tộc sẽ chẳng bao giờ lật đổ chính quyền dân tộc. Và nhất là bởi vì sau khi một chính quyền tự nhận là chính quyền dân tộc lên ngôi, luật phủ định bị triệt tiêu, bánh xe lịch sử bị phá vỡ!

Do hiểu biết luật phủ định một cách què quặt và không ngay thẳng như đã dẫn chứng, Trần Đức Thảo không ngần ngại cho rằng quyền thống trị xã hội của giai cấp vô sản là quyền vô thời hạn. Chính vì tính vô thời hạn này, xã hội giai cấp mới có khả năng qui định bản chất giai cấp của người.

## Chương bốn

### Cá Nhân Nhân Cách và Cá Nhân

#### Lệ Thuộc Điều Kiện Giai Cấp

#### A.- Phần Trần Thuật

Toàn bộ chương 4 chỉ là sự nhắc lại ý kiến của các chương trước với một vài chi tiết hóa như sau:

1.- Nhân cách và điều kiện giai cấp: Con người có hai nhân cách: nhân cách con người nói chung và nhân cách do giai cấp qui định.

- Đối với giai cấp tư sản: *"Chỉ khi nào bị phá sản thì người tư sản mới nhận ra cái nhân cách của anh, tức bản thân con người của anh, là khác biệt với quan hệ giai cấp tư sản đã phá sản của anh"* (Vấn Đề Con Người, trang 68).

- Đối với giai cấp vô sản: "Sự mâu thuẫn giữa nhân cách cá nhân người vô sản với cái điều kiện áp đặt vào anh, là lao động làm thuê, thể hiện rõ ràng trước mắt anh, nhất là anh đã bị hy sinh ngay từ tuổi trẻ, và anh cũng chẳng có khả năng gì trong giai cấp của anh mà đạt được điều kiện đưa anh sang giai cấp khác. Để tự lập thân mình theo nhân cách của mình, những người vô sản phải xóa bỏ cái điều kiện sinh hoạt của họ... Như thế họ đứng đối lập với nhà nước tư sản và họ phải đánh đổ nhà nước ấy để thực hiện nhân cách của mình" (Marx và Angen, hệ tư tưởng Đức, Dietz Verlag, trang 76 - 78).

2.- Cá nhân nhân cách với cá nhân lệ thuộc điều kiện giai cấp trong con người vô sản: Những người vô sản chỉ có thể nhận thấy mình trong đấu tranh giai cấp cách mạng xóa bỏ chế độ làm thuê, tức là "họ phải đánh đổ nhà nước tư sản để thực hiện nhân cách của mình" (Vấn Đề Con Người, trang 71).

3.- Sự phát triển nhân cách của con người vô sản: cách mạng xã hội chủ nghĩa, tức là cách mạng vô sản được thành hình trên hai cơ sở:

- Cơ sở chủ quan là sự mâu thuẫn giữa nhân cách của con người vô sản với chế độ lao động làm thuê.

- Cơ sở khách quan là cái cơ chế sản xuất của tư bản chủ nghĩa làm cho giai cấp công nhân càng ngày càng đấu tranh có kỷ luật, đoàn kết và tổ chức chống chủ nghĩa tư bản.

4.- Phép biện chứng Duy Vật cụ thể của chủ nghĩa Marx-Lenine và phép siêu hình máy móc Duy Tâm chung chung của phái lý luận không có con người: Muốn hiểu rõ tiến trình của cách mạng vô sản, người ta "phải phân biệt cá nhân nhân cách với cá nhân lệ thuộc điều kiện giai cấp. Đồng thời phải phân biệt trường hợp giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột. Trong khi đó Althusser không đi vào phân tích cụ thể mà chỉ nói rất chung chung: "Mỗi xã hội... Mỗi giai cấp có những cá nhân của nó... Những con người có thật là cái gì mà những điều kiện giai cấp tạo nên". *Như thế là gói trọn tất cả, lẫn lộn khái niệm xã hội với khái niệm giai cấp, lẫn lộn giai cấp tư sản với giai cấp vô sản, cá nhân nhân cách với cá nhân lệ thuộc điều kiện giai cấp*" (Văn Đề Con Người, trang 75). Nhằm phản đối lý luận của Althusser mà Trần Đức Thảo gọi là con người chung chung, ông Thảo đã nhắc lại rằng: "*loài người là chủ thể vật chất: tất cả mọi người có thật tức là bản thân loài người làm ra lịch sử của mình trong sự biện chứng của sức sản xuất với quan hệ sản xuất, biểu hiện trong đấu tranh giai cấp, xây dựng tư tưởng cá nhân và xã hội*" (Văn Đề Con Người, trang 76).

5.- Ý chí đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và ý chí đấu tranh bảo thủ và phản động của giai cấp tư sản: Althusser chủ trương: "Những con người có thật là cái gì mà những điều kiện giai cấp tạo nên..., cả ý chí đấu tranh của họ là lệ thuộc những điều kiện ấy" (Réponse à John Lewis, trang 34). Trần Đức Thảo chống lại ý kiến vừa kể của Althusser: "*Không thể nói chung rằng "ý chí đấu tranh của họ là lệ thuộc vào những điều kiện ấy". Dĩ nhiên ý chí phản cách mạng của giai cấp phản động là lệ thuộc những điều kiện giai cấp bóc lột. Nhưng ý chí đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động bị bóc lột là sinh ra từ nhân cách con người phát triển trong và chống những điều kiện của giai cấp bị bóc lột*" (Văn Đề Con Người, trang 80).

6.- Quan điểm lịch sử của chủ nghĩa Marx - Lenine và quan điểm phi lịch sử của chủ nghĩa xét lại hữu khuynh và "tả" khuynh, vừa "tả" vừa hữu: Trần Đức Thảo nhận định: "Chủ nghĩa xét lại hữu khuynh nhân đạo chung chung cho rằng tất cả mọi người, không kể giai cấp nào, đều có tự do trong ý thức sáng tạo. Chủ nghĩa xét lại "tả" khuynh, "lý luận không con người" cũng san bằng các giai cấp, khi họ cho rằng "những con người có thật" - tức là tất cả mọi người - đều "là cái gì mà những điều kiện giai cấp tạo nên... cả ý chí đấu tranh của họ là lệ thuộc những điều kiện ấy". Như thế là cả hai phái xét lại hiện đại đều không có lập trường giai cấp vô sản cách mạng, đều không công nhận ưu thế cơ bản của nhân cách con người vô sản cách mạng. Lịch sử loài người, lịch sử con người, về căn bản là lịch sử cách mạng của quần

chúng nhân dân. Cả hai phái xét lại đều làm cho lịch sử cách mạng trở thành một cái gì không thể nào hiểu được" (Vấn Đề Con Người, trang 83 - 84).

## **B.- Phần Đánh Giá Lý Luận**

Cuộc tranh cãi giữa Althusser và Trần Đức Thảo là cuộc tranh cãi giữa hai nhà tư tưởng Duy Vật, cả hai đều đứng trên lập trường Duy Vật. Thế nên có nhiều chi tiết trong cuộc tranh cãi này mà những người chống Duy Vật không cần phải bước vào, bởi vì, chỉ cần bề gãy tiền đề Duy Vật, mọi câu chuyện có tính cách vệ tinh của Duy Vật sẽ tự chúng vỡ ra thành từng mảnh vụn. Tuy nhiên để cho độc giả có ý niệm chung về tác phẩm "Vấn Đề Con Người và Chủ Nghĩa Lý Luận Không Có Con Người", một mặt người cầm bút phải trần thuật đầy đủ mọi chủ ý của tác phẩm, mặt khác tôi chỉ đánh giá lý luận đối với những luận điểm cần thiết.

Chương 4 có những vấn đề sau đây cần phê phán: Trần Đức Thảo cho rằng con người có nhân cách người nói chung và nhân cách giai cấp. Dĩ nhiên người ta có thể dễ dàng đồng ý với Trần Đức Thảo về sự hiện hữu của nhân cách con người nói chung, nhưng người ta lại hoàn toàn không đồng ý với ông Thảo về quá trình hình thành nhân cách cũng như vị trí của nhân cách chỉ là vị trí hàng 2 sau tính giai cấp. Người ta lại càng không đồng ý với ông Thảo khi ông ta bảo rằng: "Chỉ khi nào bị phá sản thì người tư sản mới nhận ra cái nhân cách của anh" và "người vô sản chỉ nhận thấy mình (nhân cách vô sản) trong đấu tranh giai cấp". Nói theo kiểu Trần Đức Thảo thì tính người chỉ đơn thuần là tính tư hữu và nhân cách của người chỉ chung nhất trong hoàn cảnh quyền tư hữu xuống thấp nhất. Nhân cách bị nhìn một cách méo lệch như vừa kể nên người Cộng sản Trần Đức Thảo mới biến vấn đề nhân cách thành cuộc chém giết bất tận giữa vô sản và tư sản trong mục tiêu tranh giành ghế thống trị: "*Giai cấp vô sản tiến lên địa vị thống trị, giai cấp tư sản hạ xuống địa vị bị trị*" (Vấn Đề Con Người, trang 103). Thống trị bao giờ cũng hàm chứa qui kẻ trấn áp kẻ khác để xây dựng đời sống của mình trên cõi chết của đồng loại. Vì vậy làm thế nào thống trị có thể trở thành yếu tố căn bản của tính người nói chung? Tư sản bóc lột vô sản tức là tư sản đã thỏa mãn nhu yếu tính theo kiểu động vật. Vô sản tiêu diệt tư sản tức là vô sản đã thể hiện tính tự vệ của động vật. Nguyên nhân cội nguồn của đấu tranh giai cấp là trạng thái "động vật hóa" của vô sản lẫn tư sản. Giải trừ "động vật hóa" sẽ khiến cho đấu tranh giai cấp bị giải tiêu. Chỉ có giải trừ "động vật hóa" mới có thể đưa dẫn tư sản lẫn vô sản trở về tính người chân chính. Từ đấu tranh chung quanh quyền tư hữu chuyển qua đấu tranh chung quanh bốn chân của chiếc ghế thống trị con người chỉ có thể biến con người trở nên "vật hơn" chứ chẳng thể nào "người hơn".

Trên con đường "vật hơn", tâm trí của con người ngày một u tối hơn. Trong cảnh u tối này, cuộc tranh cãi giữa Althusser và Trần Đức Thảo rất



hiều khi đã đi vào vòng luẩn quẩn. Althusser bảo: "Những con người có thật là cái gì mà điều kiện giai cấp tạo nên". Trần Đức Thảo phản đối: "Loài người là chủ thể vật chất". Chủ thể vật chất là người, chủ thể vật chất cũng là cha đẻ của điều kiện giai cấp. Như vậy Trần Đức Thảo và Althusser đã gặp nhau trong sự tìm thấy người hay điều kiện giai cấp đều là sản phẩm của vật chất, tại sao cuộc tranh cãi của họ vẫn tiếp tục ồn ào?

Riêng về quan điểm lịch sử của chủ nghĩa Marx Lenine, Trần Đức Thảo mạnh mẽ xác nhận: "*Lịch sử loài người, lịch sử con người, về căn bản là lịch sử cách mạng của quần chúng nhân dân*" (Vấn Đề Con Người, trang 84). Xác nhận vừa nêu của Trần Đức Thảo hiển nhiên là một xác nhận sai sự thực nếu không muốn nói là không ngay thẳng. Chúng ta hãy xem trang 110 Vấn Đề Con Người: "Lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp" (Tuyên Ngôn của đảng Cộng sản). Như vậy Trần Đức Thảo đã chế biến "lịch sử đấu tranh giai cấp" thành "lịch sử cách mạng của quần chúng nhân dân". Biến chế này rõ ràng có ẩn ý gây cho người đọc ngộ nhận rằng chủ nghĩa Marx Lenine là chủ nghĩa "có con người", có nhân bản. Nhà tư tưởng biết tự trọng không bao giờ thuyết phục người khác bằng cách viện dẫn những sự thật đã bị chính đương sự bóp méo.

## Chương năm

Một Phạm Trù "Triết Lý" Mới:

"Quá Trình Không Có Chủ Thể"

### A.- Phần Trần Thuật

Quan điểm căn bản của Althusser về con người là quan điểm cho rằng: "Những con người là cái gì mà giai cấp tạo nên". Trần Đức Thảo chỉ trích quan điểm vừa nêu bằng các luận điểm kể sau:

1.- Althusser đã làm lẫn giữa hệ thống cơ cấu (système de structures) và hệ thống cấu trúc (système structuraliste). Althusser đã hiểu chủ nghĩa cấu trúc (Structuralisme) như là một hình thức tuyệt đối hóa, cô lập hóa hệ thống cơ cấu, biến hệ thống cơ cấu thành một hệ thống cấu trúc độc lập đối với lịch sử, tự nó, nó có thể xoay vòng tròn vô thủy vô chung.

2.- Để bác khước quan niệm con người là chủ thể làm ra lịch sử, Althusser đã mạnh mẽ xác nhận: "không có (một) chủ thể của lịch sử. Và tôi đi xa hơn nữa: "Những con người" cũng không phải là "những chủ thể của lịch sử" (Réponse à John Lewis, trang 70). Từ "lý luận không có con người" đến lý

luận con người không là chủ thể của lịch sử, Althusser không thể không kết luận: lịch sử là một quá trình không có chủ thể. Xác nhận vừa nói của Althusser đã gián tiếp bác bỏ tính liên tục và chuyển hóa của lịch sử thông qua các qui luật triết học mà trọng yếu nhất là qui luật "phủ định sự phủ định". Tệ hại hơn nữa, Althusser còn ngang nhiên tuyên bố: "Quả thực tôi thấy người ta không thể chờ đợi gì tích cực ở cái phạm trù phủ định sự phủ định". Tóm lại dưới mắt Althusser: chỉ có điều kiện giai cấp, không có con người, lịch sử là một quá trình không chủ thể, không có sự tham dự của qui luật phủ định sự phủ định, cấu trúc giai cấp đã qui định con người, đã biến lịch sử thành vòng tròn xoay vần tự thân không chuyển hóa, trong đó không phân biệt vô sản, tư sản, người đi bóc lột, kẻ bị bóc lột.

Trước lối lý luận mà Trần Đức Thảo mỉa mai gọi là "minh triết" của Althusser, ông Thảo đứng trên lập trường của một người Marxist, đã lớn tiếng nhấn mạnh: "Vật chất là chủ thể của tất cả mọi sự biến chuyển". Từ đó ông Thảo nói tiếp: "Vật chất là chủ thể của lịch sử". Sau cùng ông Thảo kết luận gầy gọn: "*Cái vật chất nó tư duy tức là con người có bộ óc tư duy... Con người theo nghĩa chung của loài người, thì chính là chủ thể của lịch sử*" (Văn Đề Con Người, trang 87).

Dĩ nhiên tại chương năm cũng như tại các chương trước, Trần Đức Thảo rất nhiều lần xác quyết "con người theo nghĩa chung của loài người" là con người có tính người thời Cộng sản nguyên thủy. Thời nay, tính người Cộng sản nguyên thủy chỉ có ở những nhi đồng 6 tuổi. Lên 7 tuổi đứa bé bắt đầu mang tính giai cấp: Tính giai cấp là bản chất hàng 1 bao trùm lên tính Cộng sản nguyên thủy được gọi là bản chất hàng 2.

## **B.- Phần Đánh Giá Lý Luận**

Nếu đứng trên lập trường Marxist, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra ưu thế lý luận của Trần Đức Thảo trong việc bác khước Althusser về hai luận điểm:

1.- Lịch sử là một quá trình không có chủ thể.

2.- Triệt để tuyệt đối hóa, cô lập hóa hệ thống cơ cấu (đối tượng của phép phân tích cơ cấu) để biến vận hành của lịch sử thành những vòng tròn không có lối chuyển hóa, thiếu hẳn liên hệ toàn diện.

Tuy nhiên, chữ "nếu" ghi ở đầu phần đánh giá này sẽ không bao giờ có thể xảy ra trong thực tiễn đời sống. Là người, chúng ta không thể đứng trên lập trường Duy Vật hay Duy Tâm, hay bất cứ lập trường nào khác lập trường người để biện giải lịch sử. Lập trường người là vị trí triết lý duy nhất có thể cung cấp cho con người khả năng nhìn ra lịch sử một cách sinh động tròn

đầy và suốt dọc. Trên lập trường người, không người nào có thể chấp nhận quái tượng "vật chất nó tư duy tức là con người có bộ óc tư duy". Trên lập trường người, mọi người đều đồng ý với nhau: "con người chính là chủ thể của lịch sử". Thế nhưng con người hiểu theo nghĩa chung nhất không thể là người Cộng sản nguyên thủy ngày xưa, hoặc các em nhi đồng dưới 6 tuổi ngày nay.

Kết luận: Đứng trên lập trường người, chúng ta không thể không bác khước mọi lý luận của Althusser lẫn Trần Đức Thảo đã trình bày trong cuộc tranh cãi có tên gọi là "Quá trình không có chủ thể".

## **Chương sáu**

### **Chủ Nghĩa "Lý Luận Không Có Con Người"**

#### **Và Vấn Đề Dân Tộc**

#### **A.- Phần Trần Thuật**

Đặc biệt chương sáu là chương nghèo nàn nhất của tác phẩm: chương này tác giả chỉ có thể kéo dài trong hai trang giấy cộng thêm vài dòng.

*"Một đặc điểm của chủ nghĩa "lý luận không có con người" (theo nghĩa chung của loài người) là trong hệ thống tư tưởng của họ, không có chỗ nào có thể tiếp thu khái niệm dân tộc. Chủ nghĩa Marx Lenine bao giờ cũng xác nhận tầm quan trọng cơ bản của vấn đề dân tộc là một cộng đồng xã hội dựa trên những quan hệ đồng bào. Quan hệ đồng bào là xuất phát từ những quan hệ cộng đồng nguyên thủy, mở rộng trên cơ sở một nước ở thời đại xã hội giai cấp" (Vấn Đề Con Người, trang 105).*

#### **B.- Phần Đánh Giá Lý Luận**

Đúng như phần trần thuật đã trình bày, khi luận về dân tộc, Trần Đức Thảo vẫn không thể xa rời các định đề kiểu "vật chất nó tư duy tức là con người có bộ óc tư duy", hoặc "lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp", hoặc "dân tộc cũng có tính giai cấp, trong xã hội giai cấp thì giai cấp và đấu tranh giai cấp là cái cơ bản nhất".

Tuy nhiên, thực tiễn lịch sử đã bác bỏ lý luận của Trần Đức Thảo. Thực tiễn lịch sử đã chất chứa rất nhiều biến động không hề có màu sắc giai cấp.

Nếu người Cộng sản bảo "Lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp" thì người Việt Nam chúng tôi bao giờ cũng khẳng định "Lịch sử Việt Nam là lịch sử chống ngoại xâm". Trong đấu tranh chống ngoại xâm, người Việt kết hợp thành đại khối dân tộc, không phân biệt già trẻ, nam nữ, giàu nghèo, và nhất là không hề có một chiến sĩ chống ngoại xâm nào đã hướng mũi súng về phía địch quân chỉ với mục đích đòi lại quyền tư hữu cho bản thân đương sự. Làm thế nào có thể thấy được "đấu tranh giai cấp là cái cơ bản nhất" trong những xương, những máu, những mồ hôi nước mắt mà rất nhiều thế hệ Việt Nam đã cống hiến cho nỗ lực biến quê hương ly loạn thành chốn non sông gấm vóc thân yêu? Trong thế giới của di tích lịch sử, nhất là trên các mộ bia của những bậc đã hiên ngang bước vào cõi chết để cho dòng sống dân tộc trường tồn, người ta thường tìm thấy hàng chữ "Vị Quốc Vong Thân". Ngay cả trường hợp những người Cộng sản đã chết trong chiến tranh Việt Nam, được Cộng sản long trọng gọi là "liệt sĩ", trên mộ bia của họ vẫn ghi là "vị quốc vong thân" thay vì phải ghi là "vị giai cấp vong thân".

Một trong những định tắc căn bản của phép biện chứng là: "thực tại bao giờ cũng phải là điểm chuẩn duy nhất của chân lý". Lý luận được dẫn chứng bằng chân lý thực tại gọi là lý luận biện chứng. Lý luận không khớp đúng với thực tại gọi là lý luận siêu hình. Trần Đức Thảo cho rằng: lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp, rằng: đấu tranh giai cấp là cái cơ bản nhất, nhưng thực tiễn lịch sử cho mọi người thấy rằng cái cơ bản nhất trong Việt Sử là tinh thần Vị Quốc Vong Thân, rằng lịch sử đã dành hầu hết giấy mực để ghi chép công ơn và sự nghiệp của những bậc đã Vị Quốc Vong Thân. Như vậy hiển nhiên Trần Đức Thảo đã nhìn dòng lịch sử bằng lăng kính siêu hình.

## **Chương bảy**

### **Ba Vấn Đề Mâu Thuẫn**

Giữa Althusser và John Lewis

#### **A.- Phần Trần Thuật**

Trần Đức Thảo muốn làm nổi bật quan điểm của ông ta về con người bằng cách viết nhận định về ba mâu thuẫn sau đây giữa Althusser và John Lewis.

1.- Vấn đề ai làm ra lịch sử.

a.- John Lewis: Con người làm ra lịch sử (hiểu theo Duy Tâm).

b.- Althusser: Quần chúng làm ra lịch sử.

c.- Trần Đức Thảo: Chỉ trích Althusser đề cập tới vai trò của quần chúng đối với lịch sử nhưng không đề cập tới hai mặt tích cực và tiêu cực của lịch sử. Ông Thảo khẳng định:

- Quần chúng lao động làm ra lịch sử (về căn bản và xét tới cùng).

- Con người làm ra lịch sử (xét toàn diện).

2.- Vấn đề làm ra lịch sử như thế nào.

a.- John Lewis: Con người làm ra lịch sử bằng cách vượt qua lịch sử.

b.- Althusser: Đấu tranh giai cấp là động cơ của lịch sử.

c.- Trần Đức Thảo: Quan điểm của John Lewis rõ ràng là sai (ông Thảo chỉ nói vắn tắt, không chứng minh). Riêng đối với Althusser, ông Thảo đã nhắc lại tuyên ngôn của đảng Cộng Sản: "Lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp" (Vấn Đề Con Người, trang 110), vì vậy nếu bảo "đấu tranh giai cấp là động cơ của lịch sử" thì chẳng khác nào bảo 'đấu tranh giai cấp là động cơ của đấu tranh giai cấp'. Nói như vậy có nghĩa là đấu tranh giai cấp sẽ phải kéo dài mãi mãi. Trong khi đó (vẫn theo ông Thảo) đấu tranh giai cấp xuất phát từ mâu thuẫn đối kháng (đồng nghĩa với mâu thuẫn hủy diệt) giữa đòi hỏi xã hội hóa kinh tế và quyền tư sản của chủ nghĩa tư bản. "Và nó (đấu tranh giai cấp) kết thúc trong chủ nghĩa xã hội vì mâu thuẫn kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội là không đối kháng: tự nó, nó không sinh ra giai cấp và đấu tranh giai cấp" (Vấn Đề Con Người, trang 112).

3.- Vấn đề đối tượng của nhận thức.

a.- John Lewis: Con người chỉ nhận thức cái mà nó làm ra (ce qu'il fait).

b.- Althusser: Người ta chỉ nhận thức cái gì tồn tại (ce qui est).

c.- Trần Đức Thảo: John Lewis hiểu "làm ra" theo nghĩa Duy Tâm tất nhiên là sai từ gốc (Vấn Đề Con Người, trang 114). Đối với Althusser, ông Thảo nêu ý kiến: "Người ta chỉ nhận thức cái gì tồn tại tức là không nhận thức được gì về xu hướng của cái tương lai, chưa tồn tại, thì cũng không thể nào có cơ sở khoa học để cải tạo những di tích cần được cải tạo, lại không có cơ sở để gạt bỏ quan liêu bao cấp..." (Vấn Đề Con Người, trang 116).

## **B.- Phần Đánh Giá Lý Luận**

Tôi xin đánh giá lý luận của chương bảy theo thứ tự của ba vấn đề do Trần Đức Thảo chọn để trình bày.

1.- Vấn đề ai làm ra lịch sử: Trần Đức Thảo đã nhân danh một người Marxist để xác nhận: "Về căn bản và xét tới cùng: quần chúng lao động làm ra lịch sử. Con người cũng như quần chúng lao động, cũng như người Cộng sản nguyên thủy, cũng như em nhi đồng dưới 6 tuổi... tất cả chỉ là "vật chất nó tư duy tức là con người có bộ óc tư duy" (Vấn Đề Con Người, trang 87). Sở dĩ Trần Đức Thảo phải nói lớp lang theo kiểu "xét tới cùng, xét toàn diện" chỉ vì ông Thảo muốn tạo ra một "mê hồn trận" lý luận với ẩn ý gây cho người đọc có ảo tưởng về tính nhân bản trong lịch sử quan Duy Vật.

2.- Vấn đề làm ra lịch sử như thế nào: Trả lời thắc mắc này, Trần Đức Thảo đã viết một cách gằn như tự động "Lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp' nhưng đấu tranh giai cấp phải kết thúc trong xã hội chủ nghĩa vì mâu thuẫn kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội là không đối kháng: tự nó không sinh ra giai cấp và đấu tranh giai cấp" (Vấn Đề Con Người, trang 112). Quan điểm vừa kể của Trần Đức Thảo đã dẫn đến các khước biện nêu sau:

a.- "Lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp" có nghĩa là:

- Vào thời Cộng sản nguyên thủy (thời mà Trần Đức Thảo cho là đã tạo tính người hiểu theo nghĩa chung nhất), bánh xe lịch sử chưa chuyển động bởi vì lúc bấy giờ làm gì có đấu tranh giai cấp?

- Xã hội nào "được" người Cộng sản đẩy cho "tiến nhanh, tiến mạnh lên xã hội chủ nghĩa" thì bánh xe lịch sử của xã hội đó lập tức ngưng chuyển động, bởi vì theo Trần Đức Thảo "kinh tế đặc thù của xã hội chủ nghĩa không sinh ra giai cấp và đấu tranh giai cấp".

b.- Có lẽ nhận ra có cái gì không ổn về xã hội chủ nghĩa không giai cấp, Trần Đức Thảo giải thích bổ túc: "Cái cơ bản nhất là sự biện chứng kinh tế của sự mâu thuẫn hoặc đối kháng hoặc không đối kháng giữa sức sản xuất với quan hệ sản xuất là động cơ của lịch sử loài người, trong ấy có lịch sử đấu tranh giai cấp và lịch sử xã hội không giai cấp". Lời giải thích này dẫn đến ba bế điểm:

- Duy Vật sử quan bao giờ cũng đồng dục tuyên bố "lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp". Thế nên "lịch sử xã hội không giai cấp" phải chẳng là loại lịch sử do người Cộng sản Trần Đức Thảo mới sáng tạo năm 1988?

- Mâu thuẫn đối kháng là mâu thuẫn hủy diệt kiểu động vật. Mâu thuẫn không đối kháng chính là sinh hoạt đối lập thống nhất của xã hội nhân tính. Trong tất cả qui luật triết học Duy Vật của Marx không hề có một qui luật nào nhằm giúp cho người Cộng sản nêu ra những yếu tố cụ thể để phân định giữa mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng.

- Theo Trần Đức Thảo, trong xã hội không giai cấp, động cơ của lịch sử vẫn là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, nhưng lại là "mâu thuẫn không đối kháng". Cùng là con đẻ của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, tại sao mâu thuẫn này là đối kháng, mâu thuẫn kia là không đối kháng? Trong thực tiễn xã hội, có vô vàn cặp mâu thuẫn mang cường độ khác nhau, tại sao vào lúc nào đó chỉ duy có mâu thuẫn không đối kháng trong kinh tế lại đủ lực làm cho lịch sử tiến hóa?

c.- Không thể chối cãi rằng xu hướng kinh tế hiện nay của các quốc gia Cộng sản là xu hướng chối bỏ "quốc doanh độc quyền". Xu hướng này đang được dẫn đầu bởi Trung Quốc và Liên Xô, sau đó là nhiều nước "xã hội chủ nghĩa anh em khác". Ngày nay chỉ những người tâm trí không bình thường mới có đủ kiên nhẫn chờ đợi một ngày đẹp trời nào đó nền kinh tế Marxist chân chính sẽ xuất hiện. Hình ảnh xã hội chủ nghĩa không giai cấp làm cho bánh xe lịch sử (hiểu theo nghĩa lịch sử là lịch sử giai cấp) phải ngừng chuyển động vừa vô cùng nghịch lý, vừa gợi nhớ ray rứt "con cá rô gỗ" của người dân Nghệ Tĩnh cùng khổ.

3.- Vấn đề đối tượng của nhận thức: Chỉ những người thiển cận như Althusser mới cho rằng "người ta chỉ nhận thức cái gì tồn tại". Trần Đức Thảo đã hoàn toàn hữu lý khi minh xác: Người ta chẳng những chỉ nhận thức cái gì tồn tại, mà còn phải nhận thức cả những gì gọi là "xu hướng của cái tương lai, chưa tồn tại". Có như vậy, người ta mới thấy được xu thế của lịch sử, mới tiên liệu được mọi biến chuyển xã hội. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn cả đối tượng của nhận thức chính là vị trí đứng của người nhận thức. Chỉ đứng trên lập trường người, người ta mới có khả năng nhận thức một cách sinh động và tròn đầy mọi hiện tượng sống. Nếu đứng trên lập trường "vật chất nó tư duy", người ta không thể không thấy đời sống chỉ vồn vện là một cuộc tàn sát lẫn nhau nhằm đoạt thủ miếng ăn. Cuộc tàn sát này gần một thế kỷ qua đã được ngưng trang bằng mỹ từ pháp "đấu tranh giai cấp".



## Chương tám

### Quan Điểm Con Người

Trong Dân Chủ Hóa và Đấu Tranh Chống Tiêu Cực.

Phương Pháp Luận Của Vấn Đề Con Người

#### A.- Phần Trần Thuật

Trần Đức Thảo cho rằng: "Trong mọi vấn đề xã hội, quan điểm giai cấp là hoàn toàn đúng và cần thiết. Nhưng cũng có trường hợp mà quan điểm giai cấp, dù là căn bản, nhưng không đủ khả năng giải quyết" (Vấn Đề Con Người, trang 122).

Thí dụ: Trong một cơ quan, một cán bộ xung khắc ý kiến với thủ trưởng, bị thủ trưởng nói gay gắt: "Anh không nghe tôi tức là anh không chịu quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân. Như thế là anh chống nhân dân, vì nhân dân có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Anh chống nhân dân tức anh là kẻ thù của nhân dân" (Vấn Đề Con Người, trang 123).

"Ông thủ trưởng quyền thế có thể gạt anh cán bộ thất thế ra khỏi hàng ngũ thành phần nhân dân, nhưng ông không thể nào gạt anh ra khỏi loài người. Tức là phải công nhận quyền con người nói chung của những người bị qui oan" (Vấn Đề Con Người, trang 124).

Sau vấn đề "bị qui oan", Trần Đức Thảo đề cập đến vấn đề tiêu cực. Tiêu cực bao gồm những hành vi từ thụ động, lười biếng đến tham ô, trộm cắp, phạm pháp. Chúng ta hãy nghe Trần Đức Thảo giải quyết vấn đề tiêu cực: "Lẽ cố nhiên khi xã hội có phân chia giai cấp, thì đạo lý với tư cách là thượng tầng kiến trúc tất nhiên có chức năng phục vụ hoặc là chế độ giai cấp bóc lột, hoặc là quần chúng nhân dân đấu tranh chống bóc lột, hoặc là chế độ xã hội chủ nghĩa có giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhưng bất kỳ thế nào thì theo Lenin, vẫn có những nguyên tắc sơ đẳng... đơn giản, cơ bản của tất cả mọi sự sống chung giữa người với người, đã được nhắc đi nhắc lại từ nhiều thiên niên kỷ trong tất cả lời dạy bảo đạo lý. Đại khái chúng ta có thể hiểu rằng, đây là những qui tắc chống tiêu cực" (Vấn Đề Con Người, trang 125).

"Nếu bây giờ quan điểm giai cấp được gắn liền với quan điểm con người với những qui tắc sơ đẳng, đơn giản, cơ bản của mọi sống chung giữa người với người thì vấn đề tiêu cực và chống tiêu cực sẽ được coi như không phải

chỉ là thuộc sinh hoạt đơn thuần, tức là có thể xếp cao hơn và như thế là một tiến bộ lớn" (Vấn Đề Con Người, trang 134).

Sở dĩ Trần Đức Thảo phải mạnh mẽ kêu gọi sự "gắn liền" giữa quan điểm con người và quan điểm giai cấp là vì trong thực tiễn đời sống, liên hệ giữa hai quan điểm này chẳng khác nào liên hệ giữa nước và lửa. Tuy vậy Trần Đức Thảo vẫn kiên nhẫn biện bạch: "Cái luận điểm cho rằng con người giai cấp và con người nói chung là một quan điểm siêu hình, hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa Marx-Lenine" (Vấn Đề Con Người, trang 136).

Để củng cố cho lời kêu gọi gắn liền quan điểm giai cấp với quan điểm con người, Trần Đức Thảo đã đề cao vai trò của con người trong lịch sử như sau: "Xã hội và con người phát triển trong lịch sử loài người từ giai đoạn này đến giai đoạn khác, có gián đoạn và có liên tục: gián đoạn do hệ thống mới phủ định hệ thống cũ, ở mỗi giai đoạn, đây là sự phủ định thứ nhất. Nhưng chính cái hệ thống mới lại tự phủ định bản thân nó: đây là sự phủ định thứ hai. Và sự tự phủ định như thế là sự phủ định sự phủ định thứ nhất: đây là sự phủ định thứ ba, nó khôi phục một mặt căn bản của cái hệ thống cũ và đưa đến một hệ thống thứ ba cao hơn... Cái thành tựu lịch sử tích lũy như thế là cái bản chất hàng hai lắng đọng ở dưới bản chất hàng một, là cái bản chất thành hình do sự mâu thuẫn nội bộ hiện tại, tức là do sự tự phủ định hiện tại" (Vấn Đề Con Người, trang 144).

Qua lời kêu gọi vừa trích dẫn, ý Trần Đức Thảo muốn nói: lịch sử là một tái diễn bất tận của luật phủ định sự phủ định và con người nói chung chính là chủ thể đã tạo ra "cái thành tựu lịch sử tích lũy thông qua những phủ định sự phủ định".

"Tóm lại, quan điểm con người nói chung là hoàn toàn cần thiết, để soi sáng mọi vấn đề giai cấp và dân tộc đi đến vấn đề cá nhân... Trong điều kiện tranh đấu của các nhà kinh điển, ít khi có dịp bàn đến vấn đề con người theo nghĩa chung. Nhưng ít không có nghĩa là không có" (Vấn Đề Con Người, trang 148 - 149).

Chính vì ít đến độ người ta có cảm tưởng là không có, cho nên Trần Đức Thảo đã phải dành riêng chương 8 của tác phẩm Vấn Đề Con Người để viết về phương pháp luận của Vấn Đề Con Người.

## **B.- Phần Đánh Giá Lý Luận**

Phương pháp luận bao giờ cũng gắn bó chặt chẽ với bản thể luận và nhận thức luận. Đó là luật tắc bất biến của môn luận lý học.

Bản thể luận là luận về nguyên lý và cứu cánh về bản chất và hiện tượng của mọi sự thực.

Nhận thức luận là luận về mối tương quan giữa chủ thể và khách thể, giữa vô hình và hữu hình, giữa con người và vũ trụ.

Phương pháp luận là luận về phương cách kiến tạo đưa dẫn và truyền thông tư tưởng, biến tư tưởng thành hành động cụ thể.

Nếu bản thể được nhìn thấy bởi cặp mắt nằm lấp ló bên trong hai miếng da che mắt ngựa, nếu nhận thức là sản phẩm của bộ óc lệch lạc, thì phương pháp luận không thể không bao gồm những lời lẽ dài dòng và lúng túng, cộng với những phương pháp thực hiện mơ hồ hoặc không tưởng.

Đối với người Cộng sản, bản thể con người là gì? Trần Đức Thảo trả lời: "Thí dụ trong vấn đề đạo lý thì trước hết chúng ta nhận xét các hiện tượng bề mặt của hoạt động của con người, rồi đào sâu, phát hiện ra bản chất giai cấp của những hiện tượng ấy. Nhưng nếu đào sâu hơn thì thấy ở dưới cái bản chất giai cấp là bản chất hàng một, lại có cái bản chất con người theo nghĩa chung, là bản chất hàng hai. Sâu hơn nữa thì có bản chất sinh vật học, rồi đến bản chất lý hóa, v.v..." (Vấn Đề Con Người, trang 126).

Do công trình "đào sâu" của Trần Đức Thảo, người ta được biết bản chất người bị đè bẹp giữa hai loại bản chất: giai cấp và sinh học. Đó là lý do giải thích tại sao trong hàng triệu triệu trang giấy nói về chủ nghĩa Marx Lenine, "vấn đề con người chỉ được bàn đến trong một số ít trang" (Vấn Đề Con Người, trang 131).

Đối với người Cộng sản, thế nào là nhận thức về mối tương quan giữa người với tự nhiên, giữa người với người, và giữa người với xã hội ? Trần Đức Thảo lần lượt giải thích:

- Tương quan giữa người với tự nhiên: "Vật chất nó tư duy tức con người có bộ óc tư duy" (Vấn Đề Con Người, trang 86).

- Tương quan giữa người với người: "Lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp" (Vấn Đề Con Người, trang 110).

- Tương quan giữa người và xã hội: "Chúng ta đều biết rằng trong xã hội giai cấp, mỗi giai cấp có đạo lý của nó, phục vụ lợi ích của nó, và giai cấp thống trị là bao trùm tất cả. Như Marx nói: "tư tưởng của giai cấp thống trị là tư tưởng thống trị". Lấy đâu ra cái đạo lý chung của toàn thể xã hội, con người nói chung, chống tiêu cực" (Vấn Đề Con Người, trang 125).

Chính vì xuất phát từ bản thể luận và nhận thức luận bầm dập kể trên, Trần Đức Thảo đã bước vào phương pháp luận bằng cách đưa ra những đề nghị vá vúi và không tưởng.

Chống "qui oan" bằng cách công nhận quyền con người ư? Thưa rằng hiến pháp của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã không hề tỏ ra tiết kiệm giấy mực trong chủ đề xác nhận quyền con người. Bản hiến pháp này đã gần 50 tuổi, tại sao mãi cho đến ngày nay Trần Đức Thảo vẫn than phiền một cách rất chân tình: "Chính tình trạng khiếp sợ bị qui oan làm cho tối đại đa số nhân dân không dám hưởng ứng lời kêu gọi của đảng và chính phủ đấu tranh chống tiêu cực"? (Vấn Đề Con Người, trang 124).

Chống tiêu cực bằng cách áp dụng "những qui tắc sơ đẳng, đơn giản, cơ bản của tất cả mọi sự chung sống giữa người với người" ư? Thưa rằng, đúng như Lenin đã xác nhận: "những qui tắc này đã được nhắc đi nhắc lại từ nhiều thiên niên kỷ", nhưng đến nay xã hội - nhất là xã hội chủ nghĩa - vẫn tiếp tục lầm than khốn khổ. Như vậy, tại sao ngày nay Trần Đức Thảo lại nhắc đến những qui tắc vừa có tuổi thiên niên kỷ, vừa mông lung đến độ không thực thực hiện được để làm đề nghị nghiêm chỉnh cho vấn nạn tiêu cực ở Việt Nam? Vấn đề không nằm ở chỗ nội dung những qui tắc sống chung giữa người với người. Vấn đề chính là câu hỏi làm thế nào mang những qui tắc đó vào thực tiễn sinh hoạt của xã hội. Trả lời câu hỏi này, chúng ta không thể không quay về với chân ý nghĩa của phương pháp luận để rồi chúng ta lại phải tái ngộ với nhận thức luận và bản thể luận trên căn bản tri hành hợp nhất. Tri là khả năng giúp loài người đạt đến mức độ chân xác trong bản thể luận và nhận thức luận. Hành là thái độ mang tri vào thực tiễn đời sống qua phương pháp luận. Tri giúp con người tiên liệu hành, và hành giúp con người đánh giá tri. Hành của Trần Đức Thảo biểu lộ trong phương pháp luận là hành động không có khả năng đặt chân lên thực tại, điều này tố cáo tri của Trần Đức Thảo về bản thể và nhận thức trong vấn đề con người là cái tri phiến diện, tri chưa tròn, chưa chu, nói vắn tắt: Trần Đức Thảo chưa đạt đến chu tri về con người.

Sau khi đưa đề nghị giải quyết vấn đề "qui oan" và vấn đề chống tiêu cực, hai vấn đề này gọi chung là vấn đề "dân chủ hóa", Trần Đức Thảo lại thuyết phục mọi người hãy chấp nhận sự gắn bó giữa quan điểm con người và quan điểm giai cấp. Trong cuộc gắn bó này, Trần Đức Thảo lại chứng minh chính

con người nói chung, chứ không phải con người giai cấp, đã tạo ra mọi chuyển hóa trong suốt dòng lịch sử dưới dạng thức phủ định sự phủ định.

Đứng trên lập trường người, mọi người đều nhận biết rằng: tính người luôn luôn tồn tại trong mỗi cá nhân ở bất kỳ tình huống nào của lịch sử xã hội, rằng con người chính là chủ thể duy nhất và thường hằng của lịch sử. Tuy nhiên, muốn chi tiết hóa hai nhận biết vừa nói, người ta phải xuất phát từ tiền đề triết học con người để thảo luận với nhau về bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận có đối tượng là người. Mọi lý luận về con người chọn xuất phát điểm là tiền đề triết học Duy Vật không thể không dẫn những người thảo luận lùi trở về thời kỳ hồng hoang của lịch sử. Tại thời kỳ này, người chưa nhận ra chân dung của người. Đời người chưa tách biệt với kiếp vật. Dĩ nhiên chẳng có người nào toan tính chuyện xây dựng kiến thiết luận cho một xã hội văn minh bằng cách rập khuôn theo mô thức sống của loài người vào thuở mịt mờ của lịch sử.

## **Chương chín**

Kết Luận: Hai Vấn Đề Trước Mắt

Của Ngành Triết Học

### **A.- Phần Trần Thuật**

1.- Vấn đề đấu tranh tư tưởng chống chủ nghĩa diệt chủng của phái Khmer Đỏ:

"Từ lâu vấn đề Campuchia tập trung vào một thực tế khách quan: không thể để bọn Khmer Đỏ tham gia chính quyền, vì thực chất chúng là một tập đoàn diệt chủng" (Vấn Đề Con Người, trang 153).

Trần Đức Thảo giải thích thêm: Sở dĩ bọn Khmer Đỏ có thực chất diệt chủng vì bọn họ đã được đào tạo và tổ chức trên cơ sở "lý luận không có con người". Khmer Đỏ cho rằng những giai cấp khác nhau và những dân tộc khác nhau không có cái gì chung "tức là có thể giết nhau tự do, đại khái như mổ bò hay cắt tiết gà... Cái cuồng tín diệt chủng của phái Khmer Đỏ biểu hiện cái thực chất vô nhân bản của chủ nghĩa "lý luận không có con người". Giống như Mao Trạch Đông đã nói: nếu đấu tranh giai cấp phát triển xuất khẩu "cách mạng" đi đến chỗ hủy diệt loài người bằng vũ khí hạt nhân, thì cũng

chẳng làm sao, vì "cây cỏ vẫn mọc, chim vẫn hót" (Vấn Đề Con Người, trang 154).

2.- Vấn đề nguồn gốc và bản chất của con người là tập trung trong vấn đề nguồn gốc và bản chất của năng lượng tâm thần.

Theo chủ nghĩa Marx Lenine, con người tự phân hóa với giới động vật do ba yếu tố: lao động sản xuất, tiếng nói và quan hệ xã hội. Ba yếu tố này đã biến cải năng lượng thần kinh của động vật thành năng lượng tinh thần của người. Diễn trình biến cải như sau: Thoạt tiên "tổ tiên khỉ của chúng ta" (chữ dùng của Engels) chỉ có tiếng kêu. Tiếng kêu là sản phẩm của năng lượng thần kinh. Thế rồi "qua sự biến hóa của tập đoàn khỉ" (chữ dùng của Trần Đức Thảo), khỉ biến thành người, tiếng kêu biến thành tiếng nói của người. Con người vừa nói vừa nghe và hiểu những gì mình nói, đó là tiếng gọi. Như vậy, trong tiếng nói bao giờ cũng có tiếng gọi.

- Một người tự nói với chính mình tạo ra tiếng nói bên trong, đi kèm tiếng nói bên trong là tiếng gọi bên trong.

- Một người nói với người khác tạo ra tiếng nói bên ngoài, đi kèm với tiếng nói bên ngoài là tiếng gọi xã hội.

Tiếng gọi xã hội được lập lại trong hình ảnh xã hội (bên trong mỗi người). Hình ảnh này quấn quýt với hình ảnh cơ thể bản thân mỗi người biến tiếng gọi xã hội thành tiếng gọi bên trong của tiếng nói bên trong. Tóm lại: bên trong mỗi người, tiếng gọi xã hội đã tác động vào hệ thần kinh, biến năng lượng thần kinh thành năng lượng tâm thần.

"Cơ cấu của cái tiếng gọi bên trong của tiếng nói bên trong gồm hai đối cực: cái hình ảnh cơ thể bản thân và cái hình ảnh xã hội bên trong mỗi người, hai hình ảnh đối diện nhau và đồng thời quấn quýt với nhau. Mình lại gọi mình trong tiếng nói bên trong nói với bản thân mình, có nghĩa rằng cái hình ảnh cơ thể bản thân gọi và nói với cái xã hội bên trong và cái hình ảnh xã hội bên trong lại gọi và nói với cái hình ảnh cơ thể bản thân theo lối hội âm...

Chính cái vận động đối xứng, chiếu đi chiếu lại như thế là cái mình (le soi) luôn luôn gọi mình trong tiếng nói bên trong nói với cái bản thân mình, tức là tự nhận thấy mình trong sự trao đổi giữa cái hình ảnh cơ thể bản thân với cái hình ảnh xã hội bên trong.

Sự biện chứng của cái tiếng gọi bên trong của tiếng nói bên trong như thế là phản ảnh và tái tạo sự vận động của tiếng gọi xã hội trong tiếng nói bên ngoài. Nó tác động vào hệ thần kinh từ bên trong, động viên mọi năng lực

của con người, biến chất và chuyển hóa năng lượng thần kinh thành năng lượng tâm thần sinh ra ý thức, lúc đầu là hữu thức, và khi cái hữu thức tiến lên trình độ càng ngày càng cao thì cái hữu thức bị che lấp và lắng đọng thành tiềm thức và vô thức" (Văn Đề Con Người, trang 161 - 162).

## **B.- Phần Đánh Giá Lý Luận**

### **1.- Vấn đề Khmer Đỏ**

Bảo rằng Khmer Đỏ là sản phẩm của chủ nghĩa lý luận không có con người rõ ràng là lỗi nói cường điệu. Không có chủ nghĩa Marx chắc chắn không thể có Althusser, Mao Trạch Đông, Pol Pot. Về thực chất, những cuộc tàn sát tập thể kiểu Cải Cách Ruộng Đất ở Trung Quốc và Việt Nam, Cách Mạng Văn Hóa Đỏ ở Trung Quốc, Tết Mậu Thân ở Việt Nam, Khmer Đỏ đánh tư sản ở Campuchia, Cộng sản Việt Nam đánh nguy quân nguy quyền, tư sản, văn nghệ sĩ ở Việt Nam sau năm 1975,... tất cả đều có chung một nguồn gốc là hành động vận dụng tiền đề Duy Vật và qui luật triết học Duy Vật. Những cuộc tàn sát vừa kể chỉ khác nhau ở chỗ số lượng nạn nhân là hàng trăm, hàng ngàn hay hàng triệu, và nhất là khác nhau ở chỗ giết người êm thắm, lịch sự kiểu học tập cải tạo của CSVN, hay âm ỉ thô bỉ kiểu mã tấu, cán cuốc của Pol Pot.

Người cầm bút không muốn kéo dài cuộc đánh giá lý luận của Trần Đức Thảo về vụ Khmer Đỏ, bởi vì câu chuyện "chủ nghĩa lý luận không có con người" chỉ là câu chuyện có tính "trà dư tửu hậu" giữa các quý vị Cộng sản với nhau. Dưới mắt của những người không chấp nhận tiền đề Duy Vật thì trong chủ nghĩa Marx "không có con người" hay "có con người" theo kiểu: "vật chất nó tư duy tức là con người có bộ óc tư duy", làm sao thấy được sự khác biệt sinh động và cụ thể?

### **2.- Vấn đề cơ cấu tâm thần.**

a.- Trần Đức Thảo quả quyết rằng: chỉ khi có tiếng kêu, nhưng nhờ lao động và xã hội tính, khi đã biến thành người, tiếng kêu của khi biến thành ngôn ngữ của người. Điều vừa được ông Thảo quả quyết khiến người đọc thắc mắc: voi, nai, trâu, bò và nhiều loài động vật khác vừa có xã hội tính vừa có tiếng kêu, tại sao chúng không biến thành người, và tiếng kêu của chúng không biến thành ngôn ngữ của người?

b.- Trần Đức Thảo đã tốn rất nhiều thì giờ để suy nghĩ về cơ cấu tâm thần. Một cách chủ yếu, cơ cấu đó như sau: tiếng gọi trong tiếng nói của cá nhân biến thành tiếng gọi xã hội trong tiếng nói xã hội, sau đó tiếng gọi của xã hội trong tiếng nói của xã hội đã tác động vào năng lượng thần kinh biến năng lượng này thành năng lượng tâm thần, tạo ra ý thức. Trình bày như



vừa kể, Trần Đức Thảo dứt khoát khẳng định chính tiếng gọi của xã hội đã sản sinh ra năng lượng tâm thần. Khẳng định vừa nêu đã hoàn toàn ăn khớp với một câu nói của Marx trong luận cương VI về Feuerbach: "Bản chất của con người là toàn diện những quan hệ xã hội". Tuy nhiên khớp đúng với câu nói của Marx không có nghĩa là khớp đúng với thực tại. Nếu người ta hình dung cấu trúc tâm thần theo kiểu Trần Đức Thảo như một vòng tròn ba điểm: tiếng nói cá nhân, tiếng nói xã hội và tâm thần, thì câu hỏi sẽ đặt ra như sau:

- Nếu không có tâm thần và tiếng nói cá nhân, làm sao có được tiếng nói xã hội?

- Nếu không có tâm thần và tiếng nói xã hội, làm sao có được tiếng nói cá nhân?

- Nếu không có tiếng nói cá nhân và tiếng nói xã hội, làm sao có được tâm thần?

Suy nghĩ về ba câu hỏi kể trên, mọi người đều nhận biết rằng vòng tròn ba điểm (tiếng nói cá nhân, tiếng nói xã hội, tâm thần) là vòng tròn không đầu mối. Thế nên, khi Trần Đức Thảo dựa vào câu nói của Marx "bản chất con người là toàn diện những quan hệ xã hội" để tuyển định tiếng nói xã hội làm căn nguyên của tâm thần là một tuyển định hoàn toàn xa rời thực tại. Lý luận biện chứng bao giờ cũng phải bám sát thực tại, lý luận xa rời thực tại gọi là lý luận siêu hình.

Trần Đức Thảo đã sử dụng mọi hiểu biết của một người khoa bảng trong giới triết gia Duy Vật để chứng minh chủ nghĩa Marx là một chủ nghĩa có con người. Nhằm thực hiện ý muốn vừa kể, Trần Đức Thảo đã vận dụng mọi phương pháp lý luận từ phân tích tới tổng hợp, từ phép siêu hình tới phép biện chứng của chủ nghĩa Duy Vật để mô tả cơ cấu tâm thần của loài người. Theo Trần Đức Thảo, cơ cấu tâm thần là nền tảng chung của toàn diện quan hệ xã hội, và "bản chất con người là toàn diện những quan hệ xã hội".

Thế nhưng, như trên đã trình bày, Trần Đức Thảo đã hoàn toàn thất bại trong công trình diễn tả cơ cấu tâm thần. Thất bại này là một bằng chứng không thể chối cãi rằng đi tìm bản chất con người trong chủ nghĩa Marx chẳng khác nào "mò trắng đáy giếng". Sau cuộc mò trắng đáy giếng này, người ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy Trần Đức Thảo và Althusser bắt tay làm hòa với nhau:

Althusser mạnh mẽ xác nhận: Trong chủ nghĩa Marx không có con người.

Trần Đức Thảo qua tác phẩm "Vấn Đề Con Người" đã tể nhị nhưng rõ ràng nói với bạn đọc: tác giả đã không chứng minh được trong chủ nghĩa Marx có bản chất người.

## Ẩn Số Của Tác Phẩm "Vấn Đề Con Người"

Và

## Chủ Nghĩa Lý Luận Không Có Con Người"

Ẩn số là con số có thật, nhưng phải tìm tòi, phải tính toán, phải phân tích và biện luận người ta mới có thể tìm ra nó. Trong khoa học toán, ẩn số không thể nằm bên ngoài phạm vi của một đề toán. Trong khoa học nhân văn, công việc xác định ẩn số phức tạp hơn bội phần. Ẩn số của vấn đề nhân văn nào là sự thực tự thân của vấn đề đó. Thông thường sự thực tự thân rất dễ bị nguy trang bởi sự thực hiện tượng. Vì vậy muốn nắm giữ sự thực tự thân - còn gọi là bản thể - của một vấn đề nhân văn, người ta không thể không áp dụng phương pháp toàn bộ tương quan nhận xét.

Đối với một người phạm trọng tội, trước khi xét xử người này, bao giờ tòa án cũng tìm hiểu lý lịch cùng trạng thái sống của bị can từ thuở ấu thơ cho đến ngày đương sự phạm pháp. Tiến hành cuộc tìm hiểu như vừa kể tức là tòa án áp dụng phương pháp toàn bộ tương quan nhận xét.

Mỗi khi cần biện giải về ý nghĩa của một đạo luật, người biện giải chẳng những phải phân tích toàn bộ đạo luật mà đôi khi còn phải phân tích tất cả biên bản của những lần quốc hội nhóm họp nhằm thảo luận và biểu quyết đạo luật đối tượng của cuộc biện giải. Quá trình phân tích của người biện giải chính là quá trình vận dụng phương pháp toàn bộ tương quan nhận xét.

Tôi viết về ẩn số trong khoa học nhân văn, tôi lại viết về phép toàn bộ tương quan nhận xét như hai chuẩn bị cần trọng dành cho cuộc thảo luận "Ẩn số của tác phẩm Vấn Đề Con Người và Chủ Nghĩa Lý Luận Không Có Con Người". Người ta chỉ nghĩ đến ẩn số trước những hiện tượng khó hiểu. Các yếu tố sau đây đã làm cho tác phẩm "Vấn Đề Con Người" của Trần Đức Thảo biến thành một hiện tượng khó hiểu:

-Yếu tố 1: Về mặt tri thức và khoa bảng, Trần Đức Thảo là người thành đạt sớm nhất, thành đạt tuyệt vời nhất. Không người Việt Nam nào không cảm thấy hãnh diện trước sự việc Trần Đức Thảo đã một thời làm vinh danh trí tuệ của dân tộc Việt trên diễn đàn văn học thế giới.

-Yếu tố 2: Về mặt khí phách, năm 1945, Trần Đức Thảo đã bị người Pháp tổng giam vào ngục Santé về tội "phá rối cuộc trị an" của nước Pháp bằng

cách đấu tranh đòi độc lập cho Việt Nam. Năm 1951, Trần Đức Thảo từ bỏ mọi mời gọi trọng vọng của giới văn học Pháp để trở về Việt Nam chia sẻ với người dân cùng khổ từng hạt cơm, quả cà. Năm 1956 Trần Đức Thảo lừng lững bước vào cuộc đấu tranh rất lẫm liệt nhưng rất kiên trì "trăm hoa đua nở trên đất Bắc". Giữa chốn trăm hoa đua nở đó, Trần Đức Thảo phần nộ tố cáo sự thực hiện chính sách cải cách ruộng đất tại Miền Bắc lúc bấy giờ đích thực là "một thứ chủ nghĩa nông dân lưu manh hóa" (xin xem "Nội dung xã hội và hình thức tự do" Trần Đức Thảo viết trên Giai Phẩm Mùa Đông năm 1956). Dĩ nhiên đảng Cộng sản Việt Nam phải chịu trách nhiệm về chủ nghĩa nông dân lưu manh hóa vừa kể, thế nên Trần Đức Thảo đã mượn lời một viên chức cao cấp của Trung Quốc để cảnh cáo Đảng: "Đảng không có quyền vượt lên trên quần chúng nhân dân, tức là Đảng không có quyền ban ơn, cưỡng bách, mệnh lệnh đối với quần chúng nhân dân, Đảng không có quyền xưng vương xưng bá trên nhân dân" (xin xem cùng bài đã dẫn).

-Yếu tố 3: Về mặt quyền lợi riêng tư, từ ngày trở về Việt Nam cho đến nay, nhất là từ sau vụ án Trăm Hoa Đua Nở, Trần Đức Thảo chưa hề có được một địa vị nào trong guồng máy nhà nước khả dĩ cân xứng với tài năng tuyệt hảo của ông ta. Ở tuổi "thất thập cổ lai hi", Trần Đức Thảo của năm 1988 vẫn chỉ là "một cụ" phiên dịch viên khiêm cung và nhẫn nại đứng sau lưng giới lãnh đạo Đảng. Đời sống của Trần Đức Thảo là một đời sống không có quyền lợi để phải lo sợ quyền lợi bị tước đoạt. Kiến thức và nhận thức của Trần Đức Thảo về đời sống và về tuổi thọ của chính ông ta đã thừa khả năng khiến Trần Đức Thảo không màng tới những ngõ ngách tiến thân trong Đảng. Nói chính xác hơn: đời sống của Trần Đức Thảo là đời sống không có ý định tiến thân để phải lo sợ con đường tiến thân bị bít lối. Thả nổi mọi quyền lợi và cơ hội tiến thân, Trần Đức Thảo đã ung dung bước vào cõi thoát tục. Trên con đường thoát tục, Trần Đức Thảo chẳng bao giờ bỏ quên nhân cách cao cả của bậc sĩ phu và lòng yêu thương mặn nồng đối với đồng bào cùng khổ của quê hương nhược tiểu.

-Yếu tố 4: Như đã trình bày trong các phần đánh giá lý luận từ chương 1 đến chương 9 của tác phẩm "Vấn Đề Con Người..." Trần Đức Thảo đã chứng minh tính nhân bản trong chủ nghĩa Marx một cách hoặc mơ hồ, hoặc vụng về và nhất là hoàn toàn không phù hợp với thực tại, hoàn toàn phản biện chứng. Đặc biệt đối với vấn đề "cơ cấu tâm thần" và vấn đề "phương pháp luận" là hai vấn đề có tính sinh tử của tác phẩm, Trần Đức Thảo lại tỏ ra vừa cực kỳ nghịch lý (cơ cấu tâm thần) vừa vô cùng nghèo nàn và mông lung (phương pháp luận).

Đọc xong tác phẩm "Vấn Đề Con Người...", có độc giả đánh giá trình độ triết học của Trần Đức Thảo rất thấp. Tôi hoàn toàn không đồng ý về kiểu đánh giá này. Chẳng những Trần Đức Thảo có cả một học trình toàn vẹn về triết học, Trần Đức Thảo còn là người đã đích thực sống bởi triết, với triết và

vì triết. Một nhà tư tưởng có kiến thức cao rộng như Trần Đức Thảo không thể không nhận biết: các thập niên vừa qua, chủ nghĩa Marx đã xa rời thực tại như thế nào, dĩ nhiên, lại càng không thể không nhận biết tình trạng dốt khoát trống vắng nhân bản trong chủ nghĩa Marx.

Đúng như yếu tố 1 đã trình bày: kiến thức triết học uyên bác của Trần Đức Thảo là loại kiến thức không thể nghi ngờ. Thế nên có một số độc giả nêu giả thuyết rằng: Trần Đức Thảo thừa biết chủ nghĩa Marx là một chủ nghĩa không có con người, tuy nhiên do chỉ thị của Đảng, Trần Đức Thảo buộc lòng phải viết ngược lại: chủ nghĩa Marx là chủ nghĩa có con người. Điều suy đoán này chẳng những sai sự thực mà còn xúc phạm nặng nề tới phẩm cách của Trần Đức Thảo. Yếu tố 2 và yếu tố 3 đã nêu rõ khí phách và tâm lý thả nổi danh lợi của Trần Đức Thảo. Sự thể này minh chứng hùng hồn rằng Trần Đức Thảo không bao giờ chấp nhận làm văn nô dưới bất kỳ hình thức nào.

Tóm lại, so chiếu bốn yếu tố trên khiến cho tác phẩm "Vấn Đề Con Người..." trở nên khó hiểu. Người ta sẽ thấy một câu hỏi: kiến thức và khí phách của Trần Đức Thảo là hai sự kiện dốt khoát không thể hoài nghi, vậy thì tại sao Trần Đức Thảo viết tác phẩm "Vấn Đề Con Người..."? Trả lời câu hỏi vừa nêu, người ta không thể không tìm tới Hải Thượng Lãn Ông. Đối với tương quan giữa tác giả và độc giả, Lãn Ông đã từng nói: "Đọc sách tìm nghĩa không khó, hiểu lý mới khó, hiểu ngoại lý mới khó hơn". Qua câu nói vừa rồi, Lãn Ông có ý phân biệt hai loại lý của cuốn sách: nội lý và ngoại lý.

Nội lý của tác phẩm "Vấn Đề Con Người..." là tất cả những luận cứ và phương pháp đã được Trần Đức Thảo sử dụng để chứng minh: chủ nghĩa Marx có nền móng nhân bản.

Ngoại lý của tác phẩm chính là những gì mà tác giả muốn dùng phần nội lý để nhân đó gửi đến người đọc một số tín hiệu. Xác định ngoại lý, xác định nội dung của tín hiệu, tức là người ta đã tìm gặp ẩn số của tác phẩm. Qua tác phẩm "Vấn Đề Con Người..." Trần Đức Thảo dùng tín hiệu để chuyên chở những gì?

Tín hiệu rằng: Sống tới đâu biết tới đó, bờ biết và bờ sống hỗ tương tác động. Thời đại ngày nay là thời đại của những đòi hỏi chính đáng về một cuộc trở về toàn diện: Người trở về với Người, tương lai và hạnh phúc của Người phải từ tay tư bản nhà nước và tư bản tư nhân trở về với tay Người. Thế nên chúng ta có bốn phạm phải "biết tới" và "sống với" vấn đề con người, nhất là chủ nghĩa Marx có nhân bản hay không? Nếu không, chủ nghĩa nào là chủ nghĩa nhân bản? Nhằm biến cái biết về nhân bản trong chủ nghĩa Marx thành cái biết thực, tôi (Trần Đức Thảo) đã phải sống với cái biết đó bằng cách khai sanh ra tác phẩm "Vấn Đề Con Người...". Tuy nhiên xin bạn

đọc hãy cảnh tỉnh đối với "nội lý" của tác phẩm này để đừng vì nội lý mà lãng quên ngoại lý. Ngoại lý mới chính là nơi chất chứa ẩn số của tác phẩm.

Tín hiệu rằng: Giả sử bạn hỏi tôi trong căn nhà số X đường Z có ông Y hay không, cách trả lời tích cực nhất và chính xác nhất là tôi phải đích thân hướng dẫn bạn bước vào địa chỉ vừa nêu, tìm tòi mọi nơi trong nhà, sau đó một cách trực tiếp bạn sẽ thấy ông Y có ở đó hay không. Tương tự như vậy, để trả lời câu hỏi "chủ nghĩa Marx có nhân bản hay không?" tôi đã cố gắng chứng minh chủ nghĩa Marx là chủ nghĩa nhân bản, nhưng như bạn đã thấy ở phần nội lý, cuộc chứng minh của tôi là một thất bại mang ý nghĩa phản chứng. Tôi tự biết: phải là nhà tư tưởng có tầm kích như tôi mới có thể dùng thất bại của chính tôi trong "Vấn Đề Con Người..." để thuyết phục bạn đọc hãy ngưng ngay mọi truy tìm nhân bản trong chủ nghĩa Marx, hãy ngưng ngay mọi cuộc trắng mò đáy giếng. Lời thuyết phục này phải được diễn đạt mạnh mẽ và dứt khoát, bởi vì trắng ở đáy giếng có đó, nhưng không thực, trắng ở đáy giếng không thực nhưng mát dịu hơn, lung linh hơn, lãng mạn hơn trắng ở trên trời. Tôi cũng tự biết: thuyết phục bạn đọc theo kiểu phản chứng, uy tín của tôi rất dễ bị tổn hại trầm trọng do hiểu lầm. Tuy nhiên, đối với những người chọn sinh hoạt tư tưởng làm lẽ sống, trong hoàn cảnh tế nhị nào đó của chính trị, họ không ngần ngại sử dụng uy tín của họ như viên gạch lót đường cho một cuộc chuyển hóa tư tưởng ngoạn mục của loài người.

Qua hai tín hiệu mà Trần Đức Thảo phát đi, người đọc đã nhận ra một cách đích thực thế nào là ẩn số của tác phẩm "Vấn Đề Con Người...". Tác phẩm này đã gợi cho người đọc nhớ lại tác phẩm Perestroika của Mikhail Gorbachev, Tổng bí thư trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô như một liên tưởng tự nhiên. Sở dĩ có hiện tượng liên tưởng giữa "Vấn Đề Con Người" và "Perestroika" vì cả Trần Đức Thảo lẫn Mikhail Gorbachev đều lấy con người làm đối tượng của tác phẩm. Trần Đức Thảo đã tế nhị dùng ngoại lý để kín đáo thuyết phục mọi người hãy đi tìm con người ở một nơi nào đó bên ngoài chủ nghĩa Marx. Gorbachev, một người nắm quyền lực ở trong tay, đã mạnh mẽ và minh thị hối thúc toàn bộ xã hội Xô Viết hãy dứt khoát từ bỏ "thói lý luận kinh viện" (Perestroika, trang 24), từ bỏ "Khoa kinh tế chính trị của chủ nghĩa xã hội đã dẫm chân trong những khái niệm quen thuộc, tỏ ra không thích ứng với biện chứng của cuộc sống" để tiến tới điều mà M.X. Gorbachev long trọng gọi là "biện chứng mới", biện chứng của dân chủ tự giác trên căn bản thượng tôn nhân đạo. Chúng ta hãy suy nghĩ về các đoạn văn sau đây của M.X. Gorbachev trong "Perestroika, New thinking for our country and the world", bản Việt ngữ của Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1988:

- "Nhiệm vụ quan trọng nhất hôm nay là nâng con người dậy về mặt tinh thần bằng cách tôn trọng thế giới bên trong của họ... Con người phải hiểu và phải thấy rằng : người ta cần đến tiếng nói của nó, rằng danh dự của nó

không bị hạ thấp, rằng người ta đối xử với nó bằng lòng tin và lòng kính trọng. Khi con người thấy được điều đó thì nó có khả năng làm được nhiều việc" (Perestroika, trang 37).

- "Perestroika là một phong trào đi từ bên dưới, từ bề sâu của nhân dân, một phong trào mạnh mẽ trước hết vì tính tự giác và tính tích cực của con người" (Perestroika, trang 75).

-Yếu tố con người hiển nhiên theo khái niệm rộng nhất của nó là nguồn dự trữ chủ yếu của chúng ta, con đường thực hiện nó phải thông qua dân chủ hóa" (Perestroika, trang 149).

- "Lần đầu tiên trong lịch sử việc lấy các chuẩn mực luân lý đạo đức có tính toàn nhân loại làm cơ sở cho chính trị quốc tế, việc nhân tính hóa, nhân đạo hóa các mối quan hệ quốc tế đã trở thành một đòi hỏi có tính sống còn" (Perestroika, trang 209).

- "Phải dành ưu tiên cho cái toàn nhân loại với tính cách là mệnh lệnh chủ yếu của thời đại.

Từ xưa đến nay lợi ích giai cấp được đề lên hàng đầu trong cả chính sách đối ngoại lẫn đối nội. Lẽ đương nhiên nó thường được che đậy bởi một cái gì khác, được đề cao như là lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia..." (Perestroika, trang 217).

Đọc xong các đoạn văn nêu trên của Gorbachev, chúng ta cần sáng suốt ghi nhận thêm chi tiết rằng: Gorbachev đề cập tới biện chứng mới cho loài người trên nền tảng tự giác và nhân đạo trong tác phẩm Perestroika năm 1987. Một năm sau, năm 1988, thay vì đề cao nhu cầu về biện chứng mới tại Việt Nam, Trần Đức Thảo đã dùng ngoại lý của "Vấn Đề Con Người..." để tạo một phản chứng đối với ý kiến cho rằng chủ nghĩa Marx có nhân bản. Phản chứng này mang tác dụng như một đòn bẩy tư tưởng có chủ ý dẫn đưa tư duy của mọi người hướng đến biện chứng mới mà một năm trước đó Gorbachev đã công khai cổ võ. Đó là nội dung cuộc trùng phùng kỳ diệu giữa Trần Đức Thảo và Gorbachev. Trong cuộc trùng phùng này, độc giả nhận biết thật rõ ràng ở Trần Đức Thảo một trí thông minh tuyệt vời, một lòng yêu nước nồng nhiệt, một phong cách khí phách của nhà tư tưởng dẫn thân. Do các "nhận biết" vừa nêu, với tư cách của một độc giả, nhất là một độc giả đứng trên lập trường ngoại lý, tôi trân trọng kính thỉnh cầu Giáo sư Trần Đức Thảo nhận nơi đây lòng tôn kính và biết ơn vô hạn của tôi.

Đỗ Thái Nhiên